



NGUYỄN THỊ MỸ LỘC (Tổng Chủ biên), PHẠM VIỆT THẮNG (Chủ biên)
PHẠM THỊ HỒNG ĐIẾP – DƯƠNG THỊ THUYẾT – TRẦN THỊ ĐIỀU OANH
NGUYỄN NHẬT TÂN – TRẦN VĂN THẮNG – HOÀNG THỊ THỊNH – HOÀNG THỊ THUẬN

Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

10

SÁCH GIÁO VIÊN

Cánh Diều



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

NGUYỄN THỊ MỸ LỘC (Tổng Chủ biên), PHẠM VIỆT THẮNG (Chủ biên)
PHẠM THỊ HỒNG ĐIỆP - DƯƠNG THỊ THUYẾT - TRẦN THỊ DIỆU OANH
NGUYỄN NHẬT TÂN - TRẦN VĂN THẮNG - HOÀNG THỊ THỊNH - HOÀNG THỊ THUẬN

Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

10

SÁCH GIÁO VIÊN

Cánh Diều



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ



Lời nói đầu

Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 – Sách giáo viên thuộc bộ sách Cánh Diều là tài liệu dành cho giáo viên trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Sách được thiết kế thành hai phần, trong đó phần thứ nhất giới thiệu những vấn đề lí luận chung nhất cho việc dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10. Phần thứ hai gợi ý, hướng dẫn một cách cụ thể dạy học các bài trong sách giáo khoa và sách chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.

Phần thứ nhất: Một số vấn đề chung về chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10

Phần này giới thiệu về mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật cấp trung học phổ thông, bao gồm các phẩm chất và năng lực chung của giáo dục phổ thông và các năng lực đặc thù của môn Giáo dục công dân nói chung, Giáo dục kinh tế và pháp luật nói riêng; nội dung chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10; tài liệu và phương tiện dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10; định hướng dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10; đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10. Trong phần này, một số phương pháp dạy học cùng nội dung đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10 được đề cập một cách chi tiết, nhằm gợi ý giáo viên triển khai các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

Phần thứ hai: Hướng dẫn dạy học các bài trong sách giáo khoa và sách Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10

Phần này hướng dẫn dạy học 21 bài trong sách giáo khoa và 10 bài trong sách Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10. Các bài học được thiết kế theo hướng dẫn tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 và Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ở mỗi bài, sách hướng dẫn, gợi ý cụ thể cách thức, tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học, nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt của mỗi chủ đề bài học được quy định trong Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10.

Ở từng hoạt động dạy học, hướng dẫn về việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực; đưa ra câu trả lời cho mỗi câu hỏi trong sách giáo khoa, gợi ý kết luận của giáo viên đối với mỗi nội dung kiến thức cần được hình thành trong quá trình học sinh cùng nhau hợp tác xây dựng bài, cùng nhau khám phá để hình thành kiến thức mới dưới sự tổ chức, hướng dẫn của giáo viên môn học.

Hi vọng các thầy cô giáo dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10 sẽ đón nhận cuốn sách này như một tài liệu cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật trong tiến trình đổi mới giáo dục phổ thông.

Các tác giả



PHẦN THỨ NHẤT

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10

I- MỤC TIÊU MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

1.1. Mục tiêu

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn Giáo dục công dân được thực hiện ở ba cấp học: Ở cấp tiểu học gọi là môn Đạo đức; ở cấp trung học cơ sở gọi là môn Giáo dục công dân; ở cấp trung học phổ thông gọi là môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Mục tiêu của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật (GDKTPL) ở cấp trung học phổ thông nhằm:

a) Giúp học sinh (HS) tiếp tục phát triển các phẩm chất đã được hình thành, phát triển ở cấp trung học cơ sở: Có hiểu biết và tình cảm, niềm tin về những giá trị đạo đức của dân tộc và thời đại, đường lối phát triển đất nước của Đảng và quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; tích cực, tự giác học tập và tham gia lao động, sản xuất phù hợp với khả năng của bản thân; có trách nhiệm công dân trong thực hiện đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước để góp phần xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; tôn trọng quyền, nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật; nhận thức, hành động theo lẽ phải và sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, chống các hành vi, hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

b) Giúp HS củng cố, nâng cao các năng lực đã được hình thành, phát triển ở cấp trung học cơ sở: phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; lập được mục tiêu kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân và thực hiện được các công việc học tập, rèn luyện để đạt mục tiêu kế hoạch đã đề ra; có kiến thức phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật; vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của

đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế; có kỹ năng sống, bản lĩnh để tiếp tục học tập, làm việc và thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

1.2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực

1.2.1. Về phẩm chất

Môn GDKTPL trung học phổ thông góp phần bồi dưỡng cho HS 5 phẩm chất: Yêu nước, Nhân ái, Chăm chỉ, Trung thực, Trách nhiệm.

Yêu nước

- Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá.
- Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật.
- Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Nhân ái

- Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
- Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.
- Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân.
- Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.

Chăm chỉ

- Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động.
- Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.

Trung thực

- Nhận thức và hành động theo lẽ phải.
- Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt, điều tốt.

– Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

Trách nhiệm

– Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình.

– Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật.

– Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.

1.2.2. Về năng lực

a) Các năng lực chung

Môn GDKTPL lớp 10 góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực chung:

** Năng lực tự chủ và tự học*

– *Tự lực*: Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người sống ý lại vươn lên để có lối sống tự lực.

– *Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng*: Biết khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.

– *Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình*:

+ Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan.

+ Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng.

+ Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống.

+ Biết tránh các tệ nạn xã hội.

– *Thích ứng với cuộc sống*:

+ Điều chỉnh được hiểu biết, kĩ năng, kinh nghiệm của cá nhân cần cho hoạt động mới, môi trường sống mới.

+ Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới.

– *Định hướng nghề nghiệp:*

+ Nhận thức được cá tính và giá trị sống của bản thân.

+ Nắm được những thông tin chính về thị trường lao động, về yêu cầu và triển vọng của các ngành nghề.

+ Xác định được hướng phát triển phù hợp sau trung học phổ thông; lập được kế hoạch, lựa chọn học các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.

– *Tự học, tự hoàn thiện:*

+ Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế.

+ Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.

+ Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của mình, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học.

+ Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác*

– *Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp:*

+ Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp.

+ Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp.

+ Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng.

+ Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp.

+ Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.

– *Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn:*

+ Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác.

+ Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.

+ *Xác định mục đích và phương thức hợp tác:* Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.

+ *Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân:* Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn đối với bản thân.

+ *Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác:* Qua theo dõi, đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.

+ *Tổ chức và thuyết phục người khác:* Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.

+ *Đánh giá hoạt động hợp tác:* Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.

– *Hội nhập quốc tế:*

+ Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế.

+ Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của nhà trường, địa phương.

+ Biết tìm đọc tài liệu nước ngoài phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của mình và bạn bè.

* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*

– *Nhận ra ý tưởng mới:* Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới. Phục tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.

– *Phát hiện và làm rõ vấn đề:* Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

– *Hình thành và triển khai ý tưởng mới*: Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; suy nghĩ không theo lối mòn; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.

– *Đề xuất, lựa chọn giải pháp*: Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.

– *Thiết kế và tổ chức hoạt động*:

+ Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp;

+ Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động.

+ Biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao.

+ Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.

– *Tư duy độc lập*: Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

b) Các năng lực đặc thù

* *Năng lực điều chỉnh hành vi*

– *Nhận thức chuẩn mực hành vi*:

+ Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các hoạt động kinh tế; các chuẩn mực đạo đức trong sản xuất kinh doanh và tiêu dùng. Có hiểu biết cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế.

– *Đánh giá hành vi của bản thân và người khác*:

+ Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

+ Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

– *Điều chỉnh hành vi:*

+ Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về kinh tế – xã hội.

+ Kiểm soát được tài chính cá nhân.

* *Năng lực phát triển bản thân*

– *Tự nhận thức bản thân:* Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, vai trò, giá trị, khả năng, điều kiện và các quan hệ xã hội của bản thân.

– *Lập kế hoạch phát triển bản thân:*

+ Tự đặt ra được mục tiêu, kế hoạch, biện pháp học tập, rèn luyện và kế hoạch tài chính phù hợp của bản thân.

+ Bước đầu biết tạo lập, xây dựng ý tưởng cho một hoạt động kinh doanh nhỏ; lựa chọn được mô hình hoạt động kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân.

+ Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân sau trung học phổ thông.

– *Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân:*

+ Thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện các công việc, nhiệm vụ học tập, rèn luyện của bản thân để đạt mục tiêu, kế hoạch đã đề ra và hướng tới các giá trị xã hội.

+ Điều chỉnh được mục tiêu, kế hoạch, phương pháp học tập, rèn luyện phù hợp với cuộc sống thay đổi; khắc phục được sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình thực hiện mục tiêu, kế hoạch đã đề ra; lựa chọn được các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.

* *Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội*

– *Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội:*

+ Hiểu được các kiến thức khoa học và một số vấn đề cơ bản về đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Hiến pháp, pháp luật, hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyền và nghĩa vụ công dân; trách nhiệm của thanh niên với tư cách công dân.

+ Giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề kinh tế, pháp luật và đạo đức đang diễn ra ở Việt Nam và thế giới.

– Tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:

+ Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề trong đời sống xã hội đương đại liên quan đến đạo đức, pháp luật và kinh tế.

+ Có khả năng tham gia một số hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và các hoạt động kinh tế.

+ Bước đầu đưa ra được quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi.

II – NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10

Nội dung chương trình môn GDKTPL lớp 10 nằm trong cấu trúc tổng thể của Chương trình môn Giáo dục công dân ở trung học phổ thông, tập trung vào 2 lĩnh vực Giáo dục kinh tế và Giáo dục pháp luật.

– Giáo dục kinh tế: 45%

– Giáo dục pháp luật: 45%

– 10% thời lượng còn lại dành cho các hoạt động đánh giá định kì.

Chuyên đề học tập: 35 tiết (Pháp luật 2 = 20 tiết; Kinh tế 1 = 15 tiết)

| Chủ đề | Bài học | Số tiết |
|--|--|---------|
| 1. Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế | 1. Các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội | 3 |
| | 2. Các chủ thể của nền kinh tế | 3 |
| 2. Thị trường và cơ chế thị trường | 3. Thị trường | 3 |
| | 4. Cơ chế thị trường | 3 |
| 3. Ngân sách nhà nước và thuế | 5. Ngân sách nhà nước | 3 |
| | 6. Thuế | 3 |

| | | |
|--|---|---|
| 4. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh | 7. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh | 4 |
| 5. Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng | 8. Tín dụng | 3 |
| | 9. Dịch vụ tín dụng | 3 |
| 6. Lập kế hoạch tài chính cá nhân | 10. Lập kế hoạch tài chính cá nhân | 4 |
| 7. Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 11. Công dân với hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 3 |
| | 12. Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 3 |
| | 13. Chính quyền địa phương | 3 |
| 8. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 14. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 2 |
| | 15. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chế độ chính trị | 2 |
| | 16. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân | 4 |
| | 17. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chế độ kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường | 3 |
| | 18. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bộ máy nhà nước | 2 |

| | | |
|---|-------------------------------------|---|
| 9. Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 19. Pháp luật trong đời sống xã hội | 4 |
| | 20. Hệ thống pháp luật Việt Nam | 2 |
| | 21. Thực hiện pháp luật | 3 |

Ngoài chương trình chính thức còn có Chuyên đề học tập với tổng thời lượng là 35 tiết, trong đó chuyên đề 1 là 10 tiết, chuyên đề 2 là 15 tiết và chuyên đề 3 là 10 tiết. Cụ thể:

| Chủ đề | Bài học | Số tiết |
|--|---|----------------|
| 1. Tình yêu – Hôn nhân – Gia đình | 1. Tình yêu | 3 |
| | 2. Hôn nhân | 3 |
| | 3. Gia đình | 4 |
| 2. Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ | 4. Doanh nghiệp nhỏ và lĩnh vực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ | 3 |
| | 5. Mục tiêu và nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ | 3 |
| | 6. Những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ | 3 |
| | 7. Quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ | 3 |
| | 8. Kinh nghiệm thực tiễn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ | 3 |
| 3. Một số vấn đề về pháp luật hình sự | 9. Khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự | 5 |
| | 10. Pháp luật hình sự về người chưa thành niên | 5 |

III- TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10

3.1. Sách và tài liệu

a) Sách giáo khoa

Sách giáo khoa (SGK) là tài liệu chính và quan trọng của giáo viên (GV) và HS để dạy và học trong nhà trường phổ thông. SGK là phương tiện nhằm cụ thể hoá các mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phương pháp của Chương trình Giáo dục phổ thông.

SGK Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 được biên soạn trên cơ sở chương trình môn GDKTPL, cụ thể hoá mỗi chủ đề trong chương trình mỗi lớp học thành nội dung bài học. Chương trình được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS, nên SGK được biên soạn để HS, dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV, tham gia vào các hoạt động học tập một cách tích cực, chủ động và sáng tạo. Thông qua các hoạt động học tập, HS từng bước được hình thành các năng lực chung cũng như các năng lực đặc thù của môn học.

Mỗi bài học trong SGK được thiết kế theo một cấu trúc thống nhất, gồm các phần:

Mở đầu: Giới thiệu nội dung chính của bài; thông qua hoạt động khởi động nhằm thu hút HS, tạo tâm thế cho HS chuẩn bị vào bài học mới.

Nội dung phần Mở đầu thường được thực hiện thông qua các hoạt động: quan sát hình ảnh; kể tên; tổ chức trò chơi; thi đố nhanh, chia sẻ với bạn về những nội dung liên quan đến bài học.

Khám phá: Gồm các câu chuyện, tình huống, hình ảnh, trường hợp,... để HS, dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV thực hiện các hoạt động quan sát, suy nghĩ, trao đổi, thảo luận, tự khám phá, phát hiện, từ đó tự hình thành nên kiến thức bài học.

Nội dung phần Khám phá thường được thể hiện qua: các thông tin hoạt động kinh tế và pháp luật, các điều luật, các trường hợp điển hình, các tình huống kinh tế và pháp luật.

Luyện tập: Gồm các bài tập tự luận, tình huống, trắc nghiệm,... nhằm củng cố, rèn luyện HS theo các nội dung đã học trong phần *Khám phá*, tạo điều kiện cho HS tăng cường rèn luyện, để hình thành, phát triển các năng lực cần thiết theo yêu cầu của mỗi bài học như năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực giải quyết vấn đề,...

Vận dụng: Nhằm tạo điều kiện cho HS thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng bài học vào đời sống thực tiễn ở trong giờ học cũng như ngoài giờ học, thông qua các bài tập yêu cầu vận dụng.

b) Sách giáo viên

Sách giáo viên (SGV) là tài liệu dành riêng cho GV, là tài liệu hướng dẫn GV về mục tiêu và nội dung chương trình, phương tiện, phương pháp, tài liệu dạy học và cách tổ chức dạy học từng bài học trong Chương trình môn GDKTPL lớp 10.

c) Các tài liệu khác

Ngoài SGK, SGV môn GDKTPL lớp 10 còn có một số sách bổ trợ, sách tham khảo khác thuộc bộ sách *Cánh Diều*, hỗ trợ GV và HS trong quá trình tổ chức dạy học. Các tài liệu này được biên soạn, xuất bản nhằm đáp ứng nhu cầu thiết thực của việc dạy học môn GDKTPL lớp 10; giúp HS lớp 10 và GV thuận lợi hơn trong tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng thiết kế các bài tập, hoạt động thực hành, bổ sung cho các bài tập, hoạt động thực hành trong SGK GDKTPL 10 *Cánh Diều*. HS có thể thực hiện các bài tập điền ngay vào sách, thay vì không được điền, viết vào SGK.

Sử dụng các tài liệu bổ trợ, tham khảo, HS sẽ được luyện tập nhiều hơn, qua đó củng cố nội dung bài học, nhất là HS được thực hành, vận dụng nhiều hơn vào thực tiễn cuộc sống.

3.2. Thiết bị, phương tiện dạy học

Dạy học môn GD&CD theo định hướng phát triển năng lực HS đòi hỏi phải tăng cường sử dụng các thiết bị, phương tiện dạy học, nhằm tạo nội dung, hình ảnh trực quan sinh động, tăng tính hấp dẫn, hứng thú cho HS khi tham gia vào bài học. Các thiết bị, phương tiện sử dụng trong giờ học GDKTPL có thể là:

- Tranh ảnh;
- Các bảng biểu, sơ đồ, mô hình;
- Máy trình chiếu, băng hình, video clip;
- Phiếu bài tập;
- Giấy khổ lớn;
- Đồ dùng để thực hiện trò chơi;
- ...

IV- ĐỊNH HƯỚNG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10

4.1. Một số phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10

4.1.1. Dạy học khám phá

Dạy học khám phá là cách thức tổ chức dạy học, trong đó HS tự tìm tòi, khám phá phát hiện ra tri thức mới nào đó trong chương trình môn học, thông qua các hoạt động dưới sự hướng dẫn, định hướng của GV.

** Cách tiến hành*

Giai đoạn 1: Chuẩn bị

– Xác định vấn đề cần khám phá: Là vấn đề thường chứa đựng thông tin mới dưới dạng câu hỏi hoặc bài tập nhỏ. Vấn đề khám phá cần phải vừa sức với HS.

– Xác định cách thức thu thập dữ liệu cần thiết cho việc đánh giá. Các dữ liệu thu được có thể là những quan sát trực tiếp của HS thông qua các hiện tượng thực tế hoặc các thông tin đọc được trong sách báo, tài liệu, hoặc từ chính các trải nghiệm của HS.

– Xác định nội dung vấn đề học tập mà HS cần đạt được qua quá trình khám phá.

– Xác định cách thức báo cáo và đánh giá kết quả của hoạt động khám phá.

Giai đoạn 2: Tổ chức học tập khám phá

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

– GV cần đảm bảo HS xác định rõ vấn đề cần khám phá, mục đích của việc khám phá đó cũng như cách thức hoạt động trong quá trình khám phá.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập khám phá

– HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm đề xuất các giả thuyết về vấn đề được đặt ra; tiến hành thu thập các dữ liệu, thông tin thông qua các hoạt động khảo sát và xử lý các dữ liệu để kiểm chứng giả thuyết đã đặt ra. HS có thể làm việc với các phiếu bài tập, các mô hình, hình ảnh, biểu đồ,... Sau đó HS trao đổi, thảo luận về tính đúng đắn của các giả thuyết được đưa ra.

Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động

– GV tổ chức cho HS trình bày kết quả của hoạt động khám phá. Từ đó, GV hướng dẫn HS lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức mới.

*** Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học khám phá**

– GV phải hiểu khả năng của từng HS, từ đó có cách hướng dẫn phù hợp, giúp HS hiểu chính xác nhiệm vụ của mình trong từng hoạt động khám phá.

– GV chuẩn bị các câu hỏi gợi mở từng bước, giúp HS tự lực đi tới mục tiêu của hoạt động. Lưu ý những biểu hiện của HS có khả năng khám phá học tập như: hiểu các thông tin mới, có kĩ năng so sánh, phân tích, tổng hợp, huy động kiến thức và phương pháp giải quyết vấn đề bằng nhiều cách khác nhau. Ngoài ra, cần chú ý tới thái độ chủ động tích cực trong việc tiếp cận và giải quyết tình huống và vấn đề mới, phức tạp.

*** Ví dụ minh họa**

Muốn HS nêu được vì sao anh X lại căn cứ vào Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2019 để khiếu nại quyết định của Giám đốc Công ty H (Bài 10 – SGK lớp 10), GV sử dụng phương pháp dạy học khám phá như sau:

Giai đoạn 1:

– Xác định vấn đề cần khám phá với các giả thiết: Quyết định của Giám đốc Công ty H sa thải anh X là trái pháp luật.

– Xác định cách thu thập dữ liệu: Tìm thông tin liên quan đến giả thiết (Điều 125 Bộ luật Lao động).

– Xác định cách báo cáo: Cá nhân và nhóm.

Giai đoạn 2:

– GV giao nhiệm vụ: Đọc tình huống và trả lời câu hỏi: *Vì sao anh X lại căn cứ vào Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2019 để khiếu nại quyết định của Giám đốc Công ty H?*

– HS làm việc cá nhân thu thập các dữ liệu, thông tin để kiểm chứng các giả thiết đã đặt ra, thảo luận theo nhóm về tính đúng đắn của giả thiết và sự đáp ứng của dữ liệu đã tìm được.

– GV tổ chức cho HS trình bày kết quả, hướng dẫn HS lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức:

+ Anh X căn cứ vào Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2019 để khiếu nại quyết định của Giám đốc Công ty H, vì anh cho rằng quyết định của Giám đốc sa thải anh là không đúng (trái) pháp luật.

+ Theo khoản 4 Điều 125 Bộ luật Lao động, người sử dụng lao động chỉ áp dụng hình thức kỉ luật sa thải khi người lao động tự ý bỏ việc 5 ngày cộng dồn trong thời hạn 30 ngày hoặc 20 ngày cộng dồn trong thời hạn 365 ngày mà không

có lí do chính đáng. Trong trường hợp này, anh X có lí do chính đáng là thân nhân (em ruột) đang bị ốm.

Từ kết quả làm việc của HS, GV dẫn dắt HS hình thành kiến thức: *Anh X căn cứ vào Điều 125 Bộ luật Lao động để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nghĩa là: Pháp luật là phương tiện để công dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.*

4.1.2. Dạy học hợp tác

Dạy học hợp tác là dạy học trong đó GV tổ chức cho HS hình thành các nhóm hợp tác, cùng nhau nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề do GV đặt ra. Từ đó, giúp HS tiếp thu một lượng kiến thức nhất định dựa trên cơ sở hoạt động tích cực của từng cá nhân. Từng thành viên của nhóm không chỉ có trách nhiệm về việc học tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của bạn bè trong nhóm.

*** Cách tiến hành**

Giai đoạn 1: Chuẩn bị

– Xác định tiêu chí thành lập nhóm: theo trình độ của HS, theo vị trí ngồi của HS, theo ngẫu nhiên, theo sở trường của HS,...

– Thiết kế các hoạt động kết hợp cá nhân, theo cặp, theo nhóm để thay đổi hoạt động, tạo hứng thú và nâng cao kết quả học tập của HS.

– Xác định thời gian phù hợp cho hoạt động nhóm để thực hiện có hiệu quả.

– Thiết kế các phiếu/hình thức giao nhiệm vụ tạo điều kiện cho HS dễ dàng hiểu rõ nhiệm vụ và thể hiện rõ kết quả hoạt động của cá nhân hoặc của cả nhóm.

Giai đoạn 2: Tổ chức dạy học hợp tác

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho cả lớp với các hoạt động chính như giới thiệu chủ đề; thành lập các nhóm làm việc; xác định nhiệm vụ của các nhóm; xác định và giải thích nhiệm vụ cụ thể của các nhóm; xác định rõ mục tiêu cụ thể cần đạt được. Nhiệm vụ của các nhóm có thể giống nhau hoặc khác nhau.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập có sự hợp tác

Các nhóm tự lực thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó có hoạt động chính là chuẩn bị chỗ làm việc nhóm; lập kế hoạch làm việc; thoả thuận về quy tắc làm việc; tiến hành giải quyết nhiệm vụ; chuẩn bị báo cáo kết quả trước lớp; xác định nội dung, cách trình bày kết quả.

Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động hợp tác

Đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp (trình bày miệng hoặc trình bày với báo cáo kèm theo, hoặc trình bày có minh họa). GV hướng dẫn HS lắng nghe và phản hồi tích cực. Kết quả trình bày của các nhóm được chia sẻ với các nhóm khác, để góp ý và là cơ sở để triển khai các nhiệm vụ tiếp theo.

*** Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học hợp tác**

- Chủ đề có hợp với dạy học hợp tác theo nhóm không?
- Các nhóm làm việc với nhiệm vụ giống hay khác nhau?
- HS đã có đủ kiến thức điều kiện cho công việc nhóm chưa?
- Cần trình bày nhiệm vụ làm việc nhóm như thế nào?
- Cần chia nhóm theo tiêu chí nào?
- Quy định rõ thời gian thảo luận và thời gian trình bày sản phẩm của mỗi nhóm.
- Trong khi các nhóm thảo luận, GV chủ động quan sát, động viên, khích lệ, hướng HS tập trung thảo luận vào chủ đề đã được phân công.
- Trong giờ học hợp tác, GV dẫn dắt HS khám phá, lĩnh hội kiến thức qua từng bước. Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ của mình, qua đó có thể rút ra các tri thức, kiến thức cần thiết cho mình.

*** Ví dụ minh họa**

Để dạy về “Hoạt động sản xuất và vai trò của hoạt động sản xuất (Mục 1 Bài 1 – SGK lớp 10), GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác như sau:

Giai đoạn 1:

- Xác định tiêu chí thành lập nhóm: Theo sở trường của HS.
- Thiết kế các hoạt động: Cá nhân kết hợp hợp tác nhóm.
- Xác định thời gian phù hợp.

Giai đoạn 2:

Bước 1: Yêu cầu HS mở SGK trang 6, 7, chia lớp thành các nhóm (4 hoặc 6 nhóm) và giao nhiệm vụ cho HS như sau:

+ Cá nhân: Tự quan sát hình và đọc thông tin 1, 2, 3.

+ Làm việc theo nhóm: Từng thành viên chia sẻ suy nghĩ của mình về hai câu hỏi trong SGK:

a) Em hãy cho biết, hoạt động sản xuất trong mỗi thông tin trên có vai trò gì đối với đời sống của con người và xã hội.

b) Theo em, điểm giống nhau và khác nhau trong hoạt động ở thông tin 1, thông tin 3 với hoạt động ở thông tin 2 là gì?

Nhóm thảo luận tập trung, chọn nội dung đúng nhất để chia sẻ trước lớp.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: Mỗi nhóm cử 1 HS làm thư kí ghi câu trả lời của các thành viên trong nhóm, trao đổi, chọn lọc các ý kiến đúng, tập trung nhất để đại diện nhóm trình bày trước lớp.

Bước 3: HS các nhóm báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV dựa vào sản phẩm và những trao đổi, lập luận của HS để nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS rút ra kết luận:

a) Thông tin 1: Hoạt động sản xuất của làng nghề tạo ra các sản phẩm vật chất (gốm sứ) phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của con người (Ví dụ: Nhu cầu trang trí, mỹ nghệ, đồ thờ cúng, đồ dùng sinh hoạt,...); thông tin 2: Hoạt động sản xuất sản phẩm tinh thần (âm nhạc) thoả mãn nhu cầu giải trí, nâng cao đời sống tinh thần của con người; thông tin 3: Hoạt động sản xuất vật chất (sản xuất lúa gạo) thoả mãn nhu cầu tiêu dùng vật chất của con người; việc xuất khẩu gạo còn thúc đẩy sự phát triển của xã hội, đất nước,...

b) Điểm giống nhau: Cả 3 hoạt động trên đều là hoạt động sản xuất, đều tạo ra sản phẩm phục vụ nhu cầu của con người, làm phong phú đời sống vật chất và tinh thần của xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Điểm khác nhau: Hoạt động 1, 3 là hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất; hoạt động 2 là hoạt động sản xuất sản phẩm tinh thần.

4.1.3. Dạy học giải quyết vấn đề

Dạy học giải quyết vấn đề không phải là phương pháp dạy học riêng biệt, mà là một tập hợp nhiều phương pháp dạy học liên kết chặt chẽ và tương tác với nhau, trong đó việc đặt ra và hướng dẫn HS giải quyết vấn đề trong tình huống giữ vai trò trung tâm, gắn bó các phương pháp dạy học khác.

Trong dạy học giải quyết vấn đề, HS được đặt trong một tình huống có vấn đề, thông qua việc giải quyết vấn đề đó giúp HS lĩnh hội tri thức, kĩ năng và phương pháp nhận thức. Tình huống có vấn đề sẽ xuất hiện khi một cá nhân đứng trước một nhiệm vụ, vấn đề cần giải quyết và bản thân chưa biết bằng cách nào, chưa đủ phương tiện (tri thức, kĩ năng,...) để tự giải quyết, nhưng có mong muốn giải quyết được nhiệm vụ, vấn đề này.

** Cách tiến hành*

Bước 1: Nhận biết vấn đề

GV đưa người học vào tình huống có vấn đề hoặc GV có thể gợi ý người học tự tạo ra tình huống có vấn đề. Phát biểu vấn đề dưới dạng “mâu thuẫn nhận thức”,

đó là mâu thuẫn giữa những cái đã biết với những cái chưa biết và HS muốn tìm tòi để giải quyết vấn đề mâu thuẫn đó.

Bước 2: Lập kế hoạch giải quyết vấn đề

HS đề xuất giả thiết giải quyết vấn đề, đưa ra các phương án và lập kế hoạch để giải quyết vấn đề theo giả thiết đã đặt ra.

Bước 3: Thực hiện kế hoạch

Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề. Đánh giá việc thực hiện giả thiết đặt ra đã đúng chưa, nếu đúng thì chuyển sang bước tiếp theo, nếu chưa đúng thì quay trở lại bước 2 để chọn giả thiết khác.

Bước 4: Kiểm tra, đánh giá và kết luận

GV tổ chức cho HS rút ra kết luận về cách giải quyết vấn đề trong tình huống đã được đặt ra, từ đó HS lĩnh hội được tri thức, kĩ năng của bài học hoặc vận dụng được những kiến thức, kĩ năng trong môn học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

*** Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề**

Lựa chọn các mức độ cho phù hợp với trình độ nhận thức của HS và nội dung cụ thể của mỗi bài học. Mức độ tham gia của HS càng nhiều thì HS sẽ càng tích cực, tuy nhiên đòi hỏi trình độ năng lực của HS càng cao.

Ví dụ:

- + GV nêu và giải quyết vấn đề.
- + GV nêu vấn đề và cho HS tham gia giải quyết vấn đề.
- + GV nêu vấn đề và gợi ý HS tìm cách giải quyết vấn đề.
- + GV cung cấp thông tin cho HS, tạo tình huống để HS phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề.
- + HS tự phát hiện vấn đề, tự lựa chọn cách giải quyết và tự đánh giá.

*** Ví dụ minh họa**

Để HS hiểu được thế nào là thực hiện pháp luật (Bài 21 – SGK lớp 10), GV sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề như sau:

Bước 1: GV đưa người học vào tình huống có vấn đề bằng câu lệnh: Đọc tình huống và xác định vấn đề cần giải quyết:

– **Tình huống:** *Q thường xuyên chơi điện tử ăn tiền. Nhiều lần Q rủ P vào quán điện tử cùng chơi nhưng luôn bị P từ chối. Một lần, P nói với Q: Cậu biết không, chơi game ăn tiền là đánh bạc trái phép và vi phạm pháp luật đấy!*

– **Câu hỏi thảo luận:**

+ *Phân tích hành vi của các nhân vật trong tình huống.*

+ *Loại tệ nạn xã hội nào được nhắc đến trong tình huống?*

+ *Hành vi của ai là phù hợp với quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội? Hành vi của ai là không phù hợp, trái quy định của pháp luật?*

+ *Hành vi nào trong tình huống sẽ bị xử lý? Pháp luật nước ta quy định như thế nào về việc xử lý những hành vi đó?*

+ *Suy nghĩ và hành vi của P là đúng hay sai? Em có ý kiến như thế nào về lời khuyên của bạn P?*

– GV yêu cầu một số HS trình bày, từ đó xác định vấn đề cần giải quyết: Phân tích đánh giá hành vi đúng, sai quy định của pháp luật.

Bước 2: Lập kế hoạch giải quyết vấn đề

– GV yêu cầu HS thảo luận để đề xuất giả thiết, gợi ý về những dấu hiệu xác định tệ nạn xã hội này.

– HS thảo luận, đề xuất phương án và lập kế hoạch giải quyết vấn đề theo các giả thiết đặt ra.

Bước 3: Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề

HS thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề. Đánh giá việc thực hiện giả thiết đặt ra đã đúng chưa. Trong tình huống này, việc thực hiện giả thiết đặt ra là đúng:

+ *Chơi điện tử ăn tiền là hành vi trái pháp luật.*

+ *Thái độ phân đôi, không hành động theo và lời khuyên của P đối với Q cho thấy P là người có hành vi đúng, phù hợp với quy định của pháp luật. Hơn nữa P còn biết vận động người khác thực hiện đúng quy định của pháp luật về phòng chống, tệ nạn xã hội.*

Bước 4: Kết luận vấn đề

Hành vi thực hiện đúng quy định của pháp luật là hành vi hợp pháp, là biểu hiện thực hiện pháp luật.

4.1.4. Dạy học dự án

Dạy học dự án là phương pháp dạy học, trong đó HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu. Nhiệm vụ này được HS thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học.

*** Cách tiến hành**

Giai đoạn 1: Chuẩn bị dự án

Đề xuất ý tưởng và chọn đề tài: Đề tài dự án có thể nảy sinh từ sáng kiến của GV, HS hoặc của nhóm HS. HS là người quyết định lựa chọn đề tài, nhưng phải đảm bảo nội dung phù hợp với mục đích học tập, phù hợp chương trình và điều kiện thực tế. Để thực hiện dự án, HS phải đóng những vai có thực trong xã hội để tự mình tìm kiếm thông tin và giải quyết công việc.

Chia nhóm và nhận nhiệm vụ: GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm HS và những yếu tố khác liên quan đến dự án. Trong công việc này, GV là người đề xướng nhưng cũng cần tạo điều kiện cho HS tự chọn nhóm làm việc.

Lập kế hoạch: GV hướng dẫn các nhóm HS lập kế hoạch thực hiện dự án, trong đó HS cần xác định chính xác chủ đề, mục tiêu, những công việc cần làm, kinh phí, thời gian và phương pháp thực hiện. Ở giai đoạn này, đòi hỏi ở HS tính tự lực và tính cộng tác để xây dựng kế hoạch của nhóm. Sản phẩm tạo ra ở giai đoạn này là bản kế hoạch dự án.

Giai đoạn 2: Thực hiện dự án

Giai đoạn này, với sự giúp đỡ của GV, HS tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ được giao với các hoạt động như: Đề xuất các phương án giải quyết và kiểm tra, nghiên cứu tài liệu, tiến hành các thí nghiệm, trao đổi và hợp tác với các thành viên trong nhóm. Trong dự án, GV cần tôn trọng kế hoạch đã xây dựng của các nhóm, cần tạo điều kiện cho HS trao đổi, thu thập tài liệu, tìm kiếm thông tin, cùng nhau đánh giá công việc, chỉnh sửa để đạt được mục tiêu.

Giai đoạn 3: Báo cáo và đánh giá dự án

HS thu thập kết quả, công bố sản phẩm trước lớp. Sau đó, GV và HS tiến hành đánh giá. HS có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình và đánh giá nhóm khác. GV đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của HS, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực hiện những dự án tiếp theo.

*** Ví dụ minh họa**

Để HS hiểu được trên thực tế các mô hình sản xuất kinh doanh (Bài 7 – SGK lớp 10), GV vận dụng phương pháp dạy học dự án để hướng dẫn HS học tập như sau:

Giai đoạn 1:

– Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài theo chủ đề: *Tìm hiểu về mô hình kinh tế hộ gia đình, kinh tế hợp tác xã, mô hình doanh nghiệp ở địa phương và chia sẻ với các bạn trong lớp về sự phát triển của mô hình đó.*

– HS tạo nhóm dựa trên ba loại mô hình sản xuất kinh doanh trên đây.

– Các nhóm thảo luận, trao đổi để lập kế hoạch thực hiện dự án, trong đó HS cần xác định chính xác mục tiêu, những công việc cần làm, kinh phí, thời gian và phương pháp thực hiện. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên. Sản phẩm tạo ra ở giai đoạn này là *Bản kế hoạch dự án*.

Giai đoạn 2:

– HS thực hiện dự án theo kế hoạch đã lập với những nhiệm vụ cụ thể sau:

+ Mỗi nhóm tìm hiểu về một mô hình sản xuất kinh doanh cụ thể: Mô hình kinh tế hộ gia đình, kinh tế hợp tác xã, mô hình doanh nghiệp ở địa phương.

+ Ghi hình quá trình thực hiện.

+ Viết bài thuyết trình giới thiệu sản phẩm: Tên mô hình sản xuất kinh doanh; chủ thể (chủ sở hữu); lĩnh vực sản xuất kinh doanh; quy mô hoạt động; vai trò xã hội của doanh nghiệp.

+ Thống nhất cách giới thiệu sản phẩm.

– HS cùng nhau tạo sản phẩm đánh giá công việc, chỉnh sửa để đạt mục tiêu.

Giai đoạn 3:

– GV tổ chức cho HS bình chọn ra những dự án hay nhất, có thuyết trình hay và thông điệp ý nghĩa.

– Sau hoạt động này, HS có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình và đánh giá nhóm khác. GV đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của HS, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực hiện những dự án tiếp theo.

4.1.5. Xử lý tình huống

Xử lý tình huống là phương pháp dạy học, trong đó GV tổ chức cho HS xem xét, phân tích những vấn đề/tình huống cụ thể thường gặp phải trong đời sống thực tiễn và xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề/tình huống đó một cách có hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực kinh tế, pháp luật trong thực tiễn.

Phương pháp xử lý tình huống giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực giải quyết vấn đề, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo.

Khi thực hiện phương pháp xử lý tình huống, GV cần đảm bảo những yêu cầu sau:

– Yêu cầu đối với tình huống:

+ Phải phù hợp với chủ đề bài học GDKTPL.

+ Phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp 10 cả về độ khó và độ dài.

- + Gần gũi với cuộc sống thực của HS lớp 10.
- + Tình huống phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gợi ra cho HS nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề.
 - Yêu cầu về quy trình thực hiện:
 - + GV nêu tình huống và hướng dẫn HS nhận dạng, xác định tình huống:
 - Tình huống xảy ra ở đâu?
 - Tình huống xảy ra khi nào?
 - Xảy ra với ai?
 - Vấn đề cần giải quyết là gì?
 - + GV giao nhiệm vụ xử lý tình huống cho HS/nhóm HS và hướng dẫn các em các bước để xử lý tình huống:
 - Thu thập thông tin có liên quan đến tình huống đặt ra;
 - Liệt kê/phân đoán các cách giải quyết có thể có;
 - Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết;
 - So sánh kết quả các cách giải quyết;
 - Lựa chọn cách giải quyết tối ưu;
 - + HS/các nhóm HS làm việc, nêu cách xử lý tình huống qua các câu hỏi cụ thể.
 - + GV tổng kết các ý kiến của HS và định hướng cho các em cách giải quyết, xử lý tình huống phù hợp với chuẩn mực pháp luật và kinh tế.
 - Một số yêu cầu khác:
 - + Có thể tổ chức cho các nhóm HS xử lý, giải quyết cùng một tình huống hoặc các tình huống khác nhau, tùy theo mục đích của hoạt động.
 - + HS cần xác định rõ tình huống trước khi xử lý tình huống.
 - + Có thể sử dụng kỹ thuật động não để HS cả lớp liệt kê các phương án giải quyết có thể xảy ra trước khi giao nhiệm vụ cho HS/nhóm HS xử lý, lựa chọn phương án giải quyết tối ưu.
 - + Cách giải quyết tối ưu đối với mỗi HS/nhóm HS có thể giống hoặc khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh, cảm xúc và giá trị của các em.

4.1.6. Đóng vai

Dạy học thông qua đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được.

Phương pháp đóng vai thường gắn với phương pháp xử lý tình huống và có vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết và sáng tạo vấn đề,...

Khi sử dụng phương pháp đóng vai, GV cần đảm bảo những yêu cầu sau:

– Yêu cầu về tình huống đóng vai:

+ Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề bài học, phù hợp với lứa tuổi, trình độ HS lớp 10 và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.

+ Tình huống không nên quá dài và phức tạp.

+ Tình huống phải có nhiều cách giải quyết.

+ Tình huống cần để mở để HS tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử phù hợp; không cho trước “kịch bản”, lời thoại.

– Yêu cầu về cách thực hiện:

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau:

+ GV nêu chủ đề, chia nhóm và nêu tình huống, giao nhiệm vụ đóng vai cho từng nhóm. Mỗi tình huống có thể phân công một hoặc một vài nhóm cùng đóng vai.

+ GV cần quy định rõ thời gian chuẩn bị và thời gian đóng vai của mỗi nhóm.

+ Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản và phân công đóng vai. Trong khi HS thảo luận và chuẩn bị đóng vai, GV nên đi đến từng nhóm lắng nghe và gợi ý, giúp đỡ HS khi cần thiết.

+ Các nhóm lên đóng vai.

+ Thảo luận lớp: Nhận xét về cách ứng xử, cách thể hiện của các vai diễn.

+ GV kết luận, định hướng cho HS về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã được đóng vai.

– Các yêu cầu khác:

+ Phải dành thời gian phù hợp, đủ cho HS thảo luận xây dựng kịch bản và chuẩn bị đóng vai.

+ Các vai diễn nên để HS xung phong hoặc tự phân công nhau đảm nhận.

+ Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.

+ Nên có hoá trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của hoạt động đóng vai.

V- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10

Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình dạy học môn GDKTPL cho HS. Việc đánh giá kết quả học tập môn GDKTPL theo tinh thần đổi mới hướng tới mục đích chủ yếu của đánh giá là nhằm đánh giá khả năng tư duy, năng lực của HS theo các yêu cầu về năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học, khả năng vận dụng kiến thức của HS vào đời sống thực tiễn; đánh giá thái độ của HS trước các hiện tượng, vấn đề kinh tế, pháp luật trong đời sống xã hội.

Đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, lấy kết quả đầu ra và các phương diện biểu hiện năng lực của HS làm căn cứ, chú ý đến các nội dung đánh giá mang tính tổng hợp, gắn với việc giải quyết các tình huống thực tiễn. Đồng thời, việc đánh giá không chỉ đánh giá kết quả đầu ra mà còn tập trung vào đánh giá quá trình, đánh giá sự tiến bộ của HS.

5.1. Mục đích đánh giá

Đánh giá kết quả học tập môn GDKTPL theo định hướng phát triển năng lực HS nhằm mục đích: Xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để HS điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lý giáo dục và GV điều chỉnh hoạt động dạy học.

5.2. Yêu cầu đánh giá

- Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông.
- Đánh giá bảo đảm tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan.
- Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.
- Đánh giá vì sự tiến bộ của HS; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của HS; không so sánh HS với nhau.

5.3. Định hướng đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của HS lớp 10 được thực hiện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đánh giá kết quả học tập môn GDKTPL lớp 10 được thực hiện bằng hình thức nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số, thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

5.3.1. Đánh giá cả về nhận thức và hành vi, thái độ của học sinh

Mục đích cuối cùng của môn GDKTPL là hình thành và phát triển các hành vi pháp luật và kinh tế, thái độ của HS trước các hiện tượng, vấn đề của đời sống thực tiễn xã hội xung quanh. Do vậy, đánh giá kết quả học tập môn GDKTPL của HS lớp 10 cần đánh giá cả về nhận thức và về thái độ, biểu hiện hành vi thực hiện bài học GDKTPL của HS trong cuộc sống hằng ngày ở nhà trường, gia đình và cộng đồng, trong đó, đặc biệt coi trọng việc đánh giá hành vi của HS.

5.3.2. Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì

a) Đánh giá thường xuyên

– Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi – đáp, viết, thuyết trình, thực hành, sản phẩm học tập và quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, các hoạt động tập thể và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

– Mỗi HS được kiểm tra, đánh giá nhiều lần (không bao gồm chuyên đề học tập), trong đó chọn số điểm đánh giá thường xuyên (ĐĐGtx) trong mỗi học kì cho môn GDKTPL là 3 ĐĐGtx.

– Đối với cụm chuyên đề học tập môn GDKTPL lớp 10, mỗi HS được chọn kết quả của 1 lần kiểm tra, đánh giá làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả này được tính là kết quả của 1 lần đánh giá thường xuyên của môn GDKTPL lớp 10 và ghi vào sổ theo dõi, đánh giá HS (theo lớp học).

b) Đánh giá định kì

– Đánh giá định kì (không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) là 45 phút.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông.

– Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 1 điểm đánh giá giữa kì (ĐĐGgk) và 1 điểm đánh giá cuối kì (ĐĐGck).

5.3.3. Kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số

a) Đánh giá bằng nhận xét

GV dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình học tập. HS dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân. Cha mẹ học sinh, những cá nhân, tổ chức có tham gia vào quá trình giáo dục HS cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

b) Đánh giá bằng điểm số

GV dùng điểm số để đánh giá kết quả học tập của HS.

Việc đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên và định kì phù hợp với đặc thù của môn GDKTPL.

Việc đánh giá phải bảo đảm nguyên tắc: Đánh giá sự tiến bộ của HS, coi trọng sự động viên, khuyến khích cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS; giúp HS phát huy nhiều nhất năng lực sẵn có hoặc đã được hình thành; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh HS này với HS khác, không tạo áp lực cho HS, GV và cha mẹ học sinh.

PHẦN THỨ HAI
HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC
MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10

A. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI TRONG SÁCH
GIÁO KHOA GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10

GIÁO DỤC KINH TẾ

CHỦ ĐỀ 1 **NỀN KINH TẾ VÀ CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ**

Bài 1 **CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ**
TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

I- MỤC TIÊU

1. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

– *Giao tiếp và hợp tác:*

+ Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

+ Biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận về vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

– *Điều chỉnh hành vi:*

+ Trình bày được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

+ Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của mình và của người khác khi tham gia vào các hoạt động kinh tế. Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm thể hiện đúng trách nhiệm của công dân khi tham gia vào các hoạt động kinh tế; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm thực hiện chưa đúng trách nhiệm khi tham gia các hoạt động kinh tế.

+ Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được hành vi của mình trong việc thực hiện trách nhiệm của công dân khi tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

– *Tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội:*

+ Có khả năng tham gia một số hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế.

+ Biết chủ động tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

+ Giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề kinh tế đang diễn ra ở địa phương và đất nước.

2. Về phẩm chất

Trách nhiệm:

+ Thực hiện tốt trách nhiệm của công dân HS khi tham gia các hoạt động kinh tế.

+ Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

II- THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Máy tính, ti vi, màn hình trình chiếu;

– SGK, SGV, Sách bài tập (SBT) Giáo dục kinh tế và pháp luật 10;

– Video, tranh ảnh liên quan đến bài học;

– Hình ảnh/Slide chiếu các hình ảnh trong SGK, giấy A3, bút màu, băng keo/nam châm dính bảng; Phiếu bài tập.

III- GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động 1. Khởi động

Trên cơ sở nội dung Mở đầu trong SGK, GV có thể sử dụng các cách khác nhau để tổ chức thành hoạt động Mở đầu như: thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi, hỏi đáp,... để chỉ ra mối liên hệ giữa các hoạt động trong những hình ảnh (GV có thể cho HS quan sát các hình ảnh trong SGK hoặc chiếu hình ảnh tương tự). GV cũng có thể cho HS xem video về các hoạt động của nền kinh tế và chia sẻ hiểu biết của HS về các hoạt động đó,...

a) Mục tiêu

– HS bước đầu nhận biết, làm quen với các hoạt động kinh tế.

– Dẫn dắt HS vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

– GV cho HS quan sát các hình ảnh trong SGK hoặc trình chiếu một số hình ảnh tương tự, yêu cầu HS quan sát hình ảnh, thảo luận theo cặp đôi để trả lời các câu hỏi sau đây:

(a) Xác định các hoạt động kinh tế được thể hiện qua mỗi hình ảnh.

(b) Chỉ ra mối liên hệ giữa các hoạt động trong các hình ảnh.

– HS quan sát hình ảnh; thảo luận theo cặp đôi trả lời câu hỏi.

– GV quan sát HS làm việc, hỗ trợ khi cần thiết.

Sản phẩm:

a) HS xác định được tên các hoạt động kinh tế ở 3 hình ảnh trong SGK: Hình ảnh 1 là hoạt động sản xuất; hình ảnh 2 là hoạt động trao đổi, mua bán; hình ảnh 3 là hoạt động tiêu dùng.

b) Mối liên hệ giữa các hình ảnh: Các hoạt động kinh tế trong 3 hình ảnh trên có mối liên hệ với nhau, trong đó: Việc trồng rau (hình ảnh 1) thông qua trao đổi, mua bán (hình ảnh 2), để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng (hình ảnh 3).

– GV gọi đại diện của 1 hoặc 2 cặp đôi trả lời câu hỏi; một số HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có). Trên cơ sở câu trả lời của các nhóm, GV đưa ra nhận xét, đánh giá về quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV kết luận: Nền kinh tế của một quốc gia là một chỉnh thể thống nhất, bao gồm toàn bộ các hoạt động kinh tế như: sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng. Trong đời sống xã hội, các hoạt động kinh tế có mối quan hệ mật thiết với nhau, góp phần duy trì và thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế. Vậy, mỗi hoạt động trên có vai trò gì trong đời sống xã hội? Đối với HS trung học phổ thông, các em cần có trách nhiệm như thế nào khi tham gia vào các hoạt động kinh tế? Chúng ta tìm hiểu ở bài học hôm nay.

KHÁM PHÁ

Với các hoạt động ở phần Khám phá, từ những ngữ liệu trong SGK, GV có thể thiết kế thành một hoặc nhiều hoạt động tương ứng để hướng dẫn HS chiếm lĩnh từng đơn vị kiến thức với các phương pháp dạy học khác nhau như: thảo luận theo nhóm, theo cặp, trực quan, đóng vai,...

Để thực hiện nội dung phần Khám phá, cần tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học chủ yếu sau đây:

Hoạt động 2. Tìm hiểu hoạt động sản xuất và vai trò của hoạt động sản xuất

a) Mục tiêu

– Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội; nhận thức được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động sản xuất.

– Biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội.

b) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành 4 hoặc 6 nhóm, quy định vị trí, thời gian làm việc; phát cho mỗi nhóm 1 bảng phụ, bút viết bảng/giấy A3; giao nhiệm vụ cho các nhóm như sau:

+ Đọc 3 thông tin ở mục 1 trong SGK trang 6, 7.

+ Trả lời 2 câu hỏi trong SGK trang 7 và ghi kết quả vào bảng nhóm/giấy A3.

– HS thảo luận nhóm (có thể sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn), mỗi nhóm cử 1 HS làm thư kí ghi nhanh câu trả lời.

– GV quan sát HS thảo luận nhóm, xác định nhóm có kết quả tốt nhất (tinh thần hợp tác trong nhóm, thời gian thảo luận nhanh nhất, hiệu quả nhất).

Sản phẩm:

a) Thông tin 1: Hoạt động sản xuất của làng nghề tạo ra các sản phẩm vật chất (gốm sứ) phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của con người (Ví dụ: Nhu cầu trang trí, mỹ nghệ, đồ thờ cúng, đồ dùng sinh hoạt,...); thông tin 2: Hoạt động sản xuất sản phẩm tinh thần (âm nhạc) thoả mãn nhu cầu giải trí, nâng cao đời sống tinh thần của con người; thông tin 3: Hoạt động sản xuất vật chất (sản xuất lúa gạo) thoả mãn nhu cầu tiêu dùng vật chất của con người và thúc đẩy sự phát triển của xã hội, đất nước,...

b) Điểm giống nhau: Cả 3 hoạt động trên đều là hoạt động sản xuất, đều tạo ra sản phẩm phục vụ nhu cầu của con người, làm phong phú đời sống vật chất và tinh thần của xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Điểm khác nhau: Hoạt động 1, 3 là hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất; hoạt động 2 là hoạt động sản xuất sản phẩm tinh thần.

– GV chọn đại diện của 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có). Qua hoạt động thảo luận nhóm (hoặc hoạt động khác), HS bước đầu nhận biết được vai trò của hoạt động sản xuất đối với sự phát triển của nền kinh tế.

– GV đặt thêm câu hỏi: Từ nội dung vừa thảo luận, em hãy cho biết thế nào là hoạt động sản xuất. Hoạt động sản xuất có vai trò gì trong đời sống xã hội? Khi tham gia hoạt động sản xuất, các chủ thể kinh tế cần thực hiện trách nhiệm gì?

– GV gọi 2 – 3 HS trả lời các câu hỏi.

– GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS chốt kiến thức:

+ Hoạt động sản xuất là hoạt động tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần đáp ứng các nhu cầu của con người.

+ Sản xuất là một hoạt động kinh tế cơ bản, quyết định sự tồn tại, phát triển của con người và xã hội. Sự phát triển của hoạt động sản xuất là cơ sở thúc đẩy việc mở rộng các hoạt động khác của con người, làm phong phú đời sống vật chất và tinh thần của xã hội.

+ Mỗi chủ thể cần tích cực, chủ động tham gia vào hoạt động sản xuất phù hợp với điều kiện và lứa tuổi của mình.

Hoạt động 3. Tìm hiểu hoạt động phân phối, trao đổi và vai trò của hoạt động phân phối, trao đổi

a) Mục tiêu

– Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ vai trò của hoạt động phân phối, trao đổi trong đời sống xã hội; nhận thức được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào hoạt động phân phối, trao đổi.

– Biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về vai trò của hoạt động phân phối, trao đổi trong đời sống xã hội.

b) Tổ chức thực hiện

Ở nội dung này do có thông tin liên quan đến cả hoạt động phân phối và trao đổi nên GV sẽ tiến hành dạy từng nội dung để HS có thể hiểu từng hoạt động và vai trò của từng hoạt động.

Thứ nhất, tìm hiểu hoạt động phân phối và vai trò của hoạt động phân phối

– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp; quy định thời gian làm việc; giao nhiệm vụ cho các cặp (chiều nhiệm vụ của các cặp lên bảng) với nội dung như sau:

+ Các cặp đọc và thảo luận trường hợp ở mục 2 trong SGK trang 7, 8.

+ Trả lời câu hỏi trong SGK trang 8 và ghi kết quả vào vở nháp/giấy A4.

– HS thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ và ghi câu trả lời vào vở nháp/giấy A4.

– GV quan sát quá trình làm việc của các cặp và hỗ trợ nếu HS gặp khó khăn.

Sản phẩm:

a) Anh Nam và đồng nghiệp nhận được tiền lương và thu nhập tăng thêm sau khi thực hiện dự án.

b) Mức thu nhập nhận được của người lao động có tác dụng thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tiếp theo.

– Từ kết quả thảo luận của HS, GV nhận xét và kết luận về hoạt động phân phối.

– GV phân tích thêm về các hình thức phân phối, bằng cách nêu câu hỏi cho cả lớp cùng suy nghĩ, trả lời:

a) Thông tin trên đề cập đến hoạt động phân phối, phân chia sản phẩm cho các cá nhân tiêu dùng theo tỉ lệ đóng góp của họ cho xã hội (phân phối cho tiêu dùng). Theo em, ngoài hình thức phân phối trên còn hình thức phân phối nào nữa?

b) Thế nào là hoạt động phân phối? Hoạt động phân phối có vai trò gì đối với sự phát triển của nền kinh tế?

– HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.

– HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV dựa trên câu trả lời của HS để nhận xét và phân tích thêm: Có 2 hình thức phân phối cơ bản là:

+ Phân phối cho sản xuất là phân chia các yếu tố sản xuất như lao động, tiền vốn, tư liệu sản xuất cho các ngành, các đơn vị sản xuất khác nhau.

+ Phân phối cho tiêu dùng là phân chia sản phẩm cho các cá nhân tiêu dùng theo tỉ lệ đóng góp của họ cho xã hội.

+ Phân phối có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế. Khi quan hệ phân phối phù hợp sẽ góp phần thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng phát triển.

– GV dựa trên sản phẩm và phần trao đổi của HS để hướng dẫn HS kết luận theo SGK trang 8.

Thứ hai, tìm hiểu hoạt động trao đổi và vai trò của hoạt động trao đổi

– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp; quy định thời gian làm việc; giao nhiệm vụ cho các cặp (chiếu nhiệm vụ của các cặp lên bảng) với nội dung sau:

+ Các cặp đọc và thảo luận thông tin 1, 2 ở mục 2 trong SGK trang 8, 9.

+ Trả lời câu hỏi trong SGK trang 9 và ghi kết quả vào vở nháp/giấy A4.

– HS thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ và ghi câu trả lời vào vở nháp/giấy A4.

– GV quan sát quá trình làm việc của các cặp và hỗ trợ nếu HS gặp khó khăn.

Sản phẩm:

a) Ở thông tin 1, hoạt động trao đổi, mua bán dưới hình thức chợ truyền thống; ở thông tin 2, hoạt động trao đổi, mua bán bằng hình thức trực tuyến.

b) Hoạt động trao đổi, mua bán ở mỗi thông tin trên cho thấy vai trò của hoạt động trao đổi chính là kết nối sản xuất với tiêu dùng, giúp người sản xuất bán được sản phẩm của mình, đồng thời giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm phù hợp với nhu cầu của bản thân.

c) Ngoài hình thức kể trên, còn có các hình thức trao đổi, mua bán khác, bao gồm các hình thức mua bán truyền thống và hiện đại (mua bán ở chợ, siêu thị, quầy hàng, các sàn thương mại điện tử,...).

– Từ kết quả thảo luận của HS, GV nhận xét và đặt thêm câu hỏi về hoạt động trao đổi: *Từ nội dung vừa thảo luận, em hãy cho biết thế nào là hoạt động trao đổi. Hoạt động trao đổi có vai trò gì trong đời sống xã hội? Khi tham gia hoạt động trao đổi, các chủ thể kinh tế cần thực hiện trách nhiệm gì?*

– HS trả lời cá nhân.

– GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận:

+ Trao đổi là hoạt động đưa sản phẩm sau khi sản xuất đến với người tiêu dùng.

+ Hoạt động trao đổi có vai trò kết nối sản xuất với tiêu dùng, giúp người sản xuất bán được sản phẩm của mình, đồng thời giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm phù hợp với nhu cầu của bản thân.

+ Khi tham gia vào hoạt động trao đổi, mỗi người cần thực hiện mua và bán phù hợp với nhu cầu và điều kiện của mình, phù hợp quy định của pháp luật.

Hoạt động 4. Tìm hiểu hoạt động tiêu dùng và vai trò của hoạt động tiêu dùng

a) Mục tiêu

– Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ vai trò của hoạt động tiêu dùng trong đời sống xã hội; nhận thức được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào hoạt động tiêu dùng.

– Biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về vai trò của hoạt động tiêu dùng trong đời sống xã hội.

b) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành 4 – 6 nhóm; quy định vị trí, thời gian làm việc; giao nhiệm vụ cho các nhóm (chiều nhiệm vụ của các nhóm lên bảng):

+ *Quan sát hình ảnh 1, đọc thông tin ở mục 3, trong SGK trang 9, 10 và thảo luận.*

+ Trả lời câu hỏi trong SGK trang 10 và ghi kết quả vào bảng nhóm/giấy A3.

– HS thảo luận nhóm (có thể sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn) để hoàn thành nhiệm vụ.

– GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu có).

Sản phẩm:

a) HS liệt kê các sản phẩm tiêu dùng trong hình ảnh và thông tin (các món ăn, thực phẩm, bánh kẹo, mứt tết, đồ uống,...). Hoạt động tiêu dùng góp phần thoả mãn nhu cầu của mỗi người.

b) Hoạt động tiêu dùng (các sản phẩm trong dịp Tết) có vai trò quan trọng là động lực thúc đẩy hoạt động sản xuất hàng hoá và dịch vụ phát triển.

c) Ngoài hoạt động tiêu dùng cho sinh hoạt như thông tin trên, còn có tiêu dùng cho sản xuất.

– HS treo bảng ghi kết quả thảo luận của nhóm (sử dụng kỹ thuật phòng tranh), cử đại diện của nhóm báo cáo kết quả và trả lời câu hỏi của nhóm bạn (nếu có). HS trong lớp lần lượt quan sát kết quả của từng nhóm, ghi chép, lắng nghe, đặt câu hỏi cho nhóm bạn.

– Từ kết quả thảo luận của HS, GV nhận xét và đặt thêm câu hỏi về hoạt động tiêu dùng: *Từ nội dung vừa thảo luận, em hãy cho biết thế nào là hoạt động tiêu dùng. Hoạt động tiêu dùng có vai trò gì trong đời sống xã hội? Khi tham gia hoạt động tiêu dùng, các chủ thể kinh tế cần thực hiện trách nhiệm gì?*

– HS trả lời cá nhân.

– GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận:

+ Tiêu dùng là hoạt động sử dụng các sản phẩm được sản xuất ra để thoả mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của con người.

+ Hoạt động tiêu dùng bao gồm tiêu dùng cho sinh hoạt và tiêu dùng cho sản xuất. Tiêu dùng là mục đích, là động lực thúc đẩy sản xuất phát triển.

+ Mỗi người cần tiêu dùng hợp lí, có kế hoạch để trở thành người tiêu dùng thông minh.

LUYỆN TẬP

Phần Luyện tập có thể được thiết kế và tổ chức với nhiều cách khác nhau như: chia thành các hoạt động nhỏ tương ứng với các hoạt động ở phần hình thành kiến thức theo nghĩa học đến đâu thực hành đến đó, bài 3 tiết thì mỗi tiết đều có hình thành kiến thức, kỹ năng và luyện tập để củng cố, rèn luyện kiến thức kỹ năng vừa

chiếm lĩnh được. GV cũng có thể xây dựng các bài tập thành các phần thi: Phần hiểu biết kiến thức (bài tập 1, 2); phần thi thuyết trình theo nhóm (bài tập 3); phần thi đóng vai (bài tập 4),...

Dưới đây là một cách thiết kế để tổ chức các hoạt động ở phần Luyện tập.

Hoạt động 5. Luyện tập xác định các hoạt động kinh tế, vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội và trách nhiệm của công dân khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

a) Mục tiêu

– Phân tích, giải thích được một cách đơn giản các hoạt động kinh tế, vai trò của mỗi hoạt động kinh tế; đánh giá được một số hiện tượng, vấn đề kinh tế đang diễn ra ở địa phương và đất nước.

– Trình bày được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

– Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được hành vi của mình trong việc thực hiện trách nhiệm của công dân khi tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ cho cá nhân, phát Phiếu bài tập (Phụ lục) và yêu cầu HS hoàn thành bài luyện tập 1, 2.

– HS thực hiện nhiệm vụ: Làm việc cá nhân, sau đó trao đổi, thảo luận với bạn ngồi cạnh để hoàn thành Phiếu bài tập.

Sản phẩm: Hoàn thành Phiếu bài tập.

| PHIẾU BÀI TẬP | | | |
|--|------|------------|---|
| Họ tên HS: | | Lớp: | |
| Bài 1. Em hãy cho biết những nhận định sau đây đúng hay sai và giải thích vì sao. | | | |
| Nhận định | Đúng | Sai | Giải thích lí do |
| A. Hoạt động sản xuất nông nghiệp là một trong những cơ sở cho sự tồn tại của con người. | X | | Sản xuất nông nghiệp là một hoạt động kinh tế quan trọng, góp phần cung cấp lương thực, thực phẩm cho sự tồn tại của con người. Ngoài ra, sản xuất nông nghiệp còn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp; nguồn hàng cho xuất khẩu, thu ngoại tệ,... |

| | | |
|---|---|--|
| B. Kết quả của hoạt động sản xuất là tạo ra sản phẩm phục vụ hoạt động tiêu dùng. | X | Mỗi hoạt động sản xuất đều tạo ra sản phẩm cụ thể (vật chất và tinh thần) thoả mãn nhu cầu tiêu dùng của con người. |
| C. Tiêu dùng tạo ra nhu cầu và mục đích cho sản xuất. | X | Hoạt động tiêu dùng là động lực thúc đẩy sản xuất phát triển. |
| D. Hoạt động trao đổi không liên quan tới hoạt động sản xuất. | X | Hoạt động trao đổi có liên quan chặt chẽ với hoạt động sản xuất, kết nối sản xuất với tiêu dùng. |
| E. Hoạt động trao đổi có thể thúc đẩy hoạt động sản xuất và hoạt động tiêu dùng. | X | Khi hoạt động trao đổi, mua bán diễn ra thuận lợi có thể thúc đẩy sự phát triển của hoạt động sản xuất và tiêu dùng. |

Bài 2. Em hãy phân loại các hoạt động kinh tế sau đây. Hoạt động nào có thể xếp được vào nhiều nhóm? Tại sao?

| Trường hợp | Phân loại hoạt động |
|---|---|
| A. Một thanh niên đang sử dụng máy tính cá nhân tại nhà. | <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tiêu dùng (khi sử dụng máy tính với mục đích giải trí). - Hoạt động sản xuất (khi sử dụng máy tính để làm việc). |
| B. Nhóm bạn nhỏ đang xem phim tại rạp chiếu phim. | - Hoạt động tiêu dùng (sản phẩm tinh thần). |
| C. Một người đang thả thức ăn cho tôm xuống đầm nuôi tôm, thức ăn đóng trong bao có nhãn hiệu nơi sản xuất. | <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động sản xuất (nuôi tôm). - Hoạt động tiêu dùng (tiêu dùng cho sản xuất). |
| D. Một người đang trả tiền mua hoa tại cửa hàng hoa. | - Hoạt động trao đổi, mua bán. |

– GV mời 2 – 3 cặp HS trình bày tại chỗ từng bài tập 1, 2 trong phiếu, những cặp HS khác đối chiếu với kết quả của mình để đưa ra nhận xét, trao đổi.

Bài tập 3: Bài tập tự luận.

– GV yêu cầu HS đọc bài tập 3 trong SGK trang 11, chia lớp thành 4 – 6 nhóm, phát bút dạ, giấy A3 cho HS, yêu cầu các nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi của bài tập, cụ thể:

Câu hỏi: Hãy thảo luận trong nhóm để vẽ sơ đồ mô tả mối quan hệ giữa các hoạt động sản xuất, hoạt động phân phối, trao đổi và hoạt động tiêu dùng. Lấy ví dụ một sản phẩm cụ thể để minh họa mối quan hệ trên.

– GV quan sát, hỗ trợ các nhóm HS (nếu cần).

Sản phẩm: HS vẽ được sơ đồ, thuyết trình giới thiệu, mô tả mối quan hệ giữa các hoạt động và lấy một ví dụ cụ thể để minh họa.

– Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận nhóm. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu có).

– GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của các nhóm và trao giải nhất, nhì, ba cho các nhóm có sản phẩm ấn tượng, sáng tạo và thuyết trình hay nhất.

Bài tập 4: Em hãy kể lại những việc em đã làm khi tham gia vào các hoạt động kinh tế. Em đã điều chỉnh như thế nào với những việc làm chưa phù hợp? Theo em, HS trung học phổ thông cần thể hiện trách nhiệm gì khi tham gia các hoạt động kinh tế hằng ngày?

– GV giao nhiệm vụ cho nhóm, yêu cầu HS viết câu trả lời ra giấy nháp và yêu cầu các nhóm đóng vai tham gia vào các hoạt động kinh tế với nội dung cụ thể như sau:

a) Em hãy liệt kê các việc làm thể hiện sự tham gia vào các hoạt động kinh tế.

b) Việc làm nào em cho là chưa phù hợp? Em đã điều chỉnh như thế nào với những việc làm chưa phù hợp?

c) Theo em, HS trung học phổ thông cần thể hiện trách nhiệm gì khi tham gia các hoạt động kinh tế hằng ngày?

– GV quan sát HS làm việc nhóm, xác định một số nhóm có kết quả khác nhau.

Sản phẩm:

a) Một số việc làm thể hiện sự tham gia vào hoạt động kinh tế như: Giúp đỡ bố mẹ sản xuất kinh doanh (tham gia vào hoạt động sản xuất); giúp đỡ bố mẹ bán hàng; đi chợ, siêu thị mua hàng hoá (hoạt động trao đổi); tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ như đồ ăn, mặc, ở, sách vở, đồ dùng học tập,... (hoạt động tiêu dùng).

b) Một số việc làm chưa phù hợp: Chưa tự giác, tích cực giúp đỡ bố mẹ sản xuất kinh doanh; tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ lãng phí; chưa biết cách trao đổi, mua bán thông minh,...

c) HS trung học phổ thông cần thực hiện đúng trách nhiệm khi tham gia vào các hoạt động, cụ thể: Tích cực, tự giác tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi; đối với lứa tuổi HS cần tiêu dùng có trách nhiệm, tiêu dùng thân thiện với môi trường,...

– GV mời một số HS lên đóng vai để tham gia các hoạt động kinh tế, mỗi nhóm sẽ phân công HS đóng vai tham gia các hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng. Từ đó, HS lồng ghép trả lời các câu hỏi của bài.

– GV nhận xét, đánh giá phân đóng vai của các nhóm và gợi ý HS kết luận chung, nhấn mạnh trách nhiệm của HS khi tham gia vào các hoạt động kinh tế.

VẬN DỤNG

Phần Vận dụng chủ yếu được thiết kế để HS thực hiện ở nhà. Trong bài này, dựa vào phần Vận dụng trong SGK, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện Vận dụng 2 ngay tại lớp, định hướng cho HS trải nghiệm bằng cách tổ chức một buổi tọa đàm. Hoặc GV cho HS thực hiện cả Vận dụng 1, 2 ở nhà và ghi lại hình ảnh, video quá trình thực hiện sản phẩm và báo cáo kết quả trong giờ sinh hoạt lớp kết hợp với Hoạt động trải nghiệm (loại hình sinh hoạt lớp).

Dưới đây là một cách thiết kế để tổ chức các hoạt động ở phần Vận dụng.

Hoạt động 6. Vận dụng

a) Mục tiêu

– HS biết chủ động lập kế hoạch để tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

– HS phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của mình và của người khác khi tham gia vào các hoạt động kinh tế. Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm thể hiện đúng trách nhiệm của công dân khi tham gia vào các hoạt động kinh tế; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm thực hiện chưa đúng trách nhiệm khi tham gia các hoạt động kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện

Vận dụng 1:

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu về các hoạt động kinh tế tại địa phương nơi em sinh sống và viết một bài thu hoạch ngắn theo yêu cầu sau:

+ *Mô tả hoạt động kinh tế đang diễn ra.*

+ *Nêu nhận xét về những hoạt động kinh tế mà HS trung học phổ thông có thể tham gia.*

– HS thực hiện theo yêu cầu, GV theo dõi, động viên, hỗ trợ trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.

Sản phẩm: Bài thu hoạch ngắn các hoạt động kinh tế đang diễn ra tại địa phương (HS có thể sưu tầm các thông tin, hình ảnh về hoạt động kinh tế ở địa phương trong những năm gần đây). Từ thông tin và hình ảnh thu được, HS viết bài mô tả các hoạt động kinh tế của địa phương và nêu nhận xét về các hoạt động kinh tế mà HS có thể tham gia ở địa phương.

Vận dụng 2:

– GV yêu cầu các nhóm HS chuẩn bị kịch bản cho buổi tọa đàm và giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở lớp với nội dung như sau:

+ *Xây dựng kịch bản:* Tạo nhóm, thống nhất ý tưởng (tên kịch bản, nội dung kịch bản liên quan đến hành vi “tiêu dùng xanh” để góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của HS khi tham gia vào hoạt động kinh tế,...), phân công nhiệm vụ cho các thành viên và thời gian hoàn thành.

+ *Thực hiện:* Đóng vai theo kịch bản đã xây dựng để góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của HS khi tham gia vào hoạt động kinh tế.

– HS xây dựng kịch bản tọa đàm theo kế hoạch đã lập, GV theo dõi, động viên, hỗ trợ trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.

Sản phẩm:

Sổ ghi chép của nhóm: Tiến trình thực hiện nhiệm vụ và đóng vai để thực hiện kịch bản tọa đàm.

– GV tổ chức giới thiệu, bình chọn các kịch bản tọa đàm có nội dung, hình thức, chủ đề đạt được mục tiêu bài học.

Tổng kết bài học: GV tổng kết nội dung chính và hướng dẫn HS tự đánh giá sau bài học.

I- MỤC TIÊU**1. Về năng lực**

HS được phát triển các năng lực:

– *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*

+ Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế.

+ Biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về vai trò của mỗi chủ thể trong nền kinh tế.

– *Điều chỉnh hành vi:*

+ Nhận diện được vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

+ Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của mình và của người khác với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

+ Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được hành vi của mình trong việc thực hiện trách nhiệm của công dân với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

– *Tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội:*

+ Chủ động tham gia vào nền kinh tế với tư cách là một chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế.

+ Giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề kinh tế đang diễn ra ở địa phương và đất nước.

2. Về phẩm chất

Trách nhiệm:

+ Thực hiện tốt trách nhiệm của công dân HS khi tham gia vào nền kinh tế với tư cách là một chủ thể.

+ Tích cực tham gia và vận động người khác thực hiện đúng vai trò của công dân khi tham gia vào nền kinh tế.

II- THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, ti vi, màn hình trình chiếu;
- SGK, SGV, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 10;
- Video, tranh ảnh liên quan đến bài học;
- Hình ảnh/Slide chiếu các hình ảnh trong SGK, giấy A3, bút màu, băng keo/nam châm dính bảng; Phiếu bài tập.

III- GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động 1. Khởi động

Trên cơ sở nội dung Mở đầu trong SGK, GV có thể sử dụng các cách khác nhau để tổ chức thành hoạt động Mở đầu như: Tổ chức trò chơi, thảo luận nhóm, hỏi đáp,... để xác định các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

a) Mục tiêu

- HS bước đầu nhận biết các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.
- Dẫn dắt HS vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

- GV cho HS chơi trò chơi “Tìm vật đoán tên” như trong SGK (GV chuẩn bị trước 3 – 5 sản phẩm trong hộp kín). GV mời một số HS lên miêu tả đồ vật trong hộp kín, HS không được nói tên sản phẩm mà phải miêu tả để các bạn trong lớp đoán được tên sản phẩm đó, nội dung miêu tả phải thể hiện các nội dung liên quan đến sản phẩm bao gồm:

a) Xác định những chủ thể liên quan đến sản phẩm đó. Ví dụ: Người sản xuất sản phẩm đó là ai? Sản phẩm đó thoả mãn nhu cầu nào, của đối tượng tiêu dùng nào? Có thể mua sản phẩm đó ở đâu?

b) Các bạn HS trong lớp cùng suy nghĩ về nội dung miêu tả và đoán tên đồ vật đang được nhắc đến.

- HS xác định tên sản phẩm và trả lời câu hỏi liên quan.
- GV quan sát HS thực hiện trò chơi, hỗ trợ khi cần thiết.

Sản phẩm: HS xác định được tên các sản phẩm trong hộp kín và các chủ thể kinh tế liên quan đến sản phẩm đó.

- GV trên cơ sở quá trình HS tham gia trò chơi để đưa ra nhận xét, đánh giá về quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV kết luận: Có nhiều chủ thể khác nhau tham gia vào các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội. Vậy, mỗi chủ thể có vai trò gì đối với nền kinh tế? Với tư cách là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế, bản thân em có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của đời sống xã hội? Chúng ta tìm hiểu trong bài học hôm nay.

KHÁM PHÁ

Với các hoạt động ở phần Khám phá, từ những ngữ liệu trong SGK, GV có thể thiết kế thành một hoặc nhiều hoạt động tương ứng để hướng dẫn HS chiếm lĩnh từng đơn vị kiến thức với các phương pháp dạy học khác nhau như: thảo luận theo nhóm, theo cặp, trực quan, đóng vai,...

Để thực hiện nội dung phần Khám phá, cần tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học chủ yếu sau đây:

Hoạt động 2. Tìm hiểu về chủ thể sản xuất

a) Mục tiêu

– HS biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ vai trò của chủ thể sản xuất trong nền kinh tế.

– HS biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về vai trò của chủ thể sản xuất trong nền kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành 4 hoặc 6 nhóm; phát cho mỗi nhóm 1 bảng phụ/giấy A3, bút viết bảng; giao nhiệm vụ cho các nhóm như sau:

+ Đọc thông tin ở mục 1 trong SGK trang 12.

+ Trả lời 3 câu hỏi trong SGK trang 12; ghi kết quả vào bảng nhóm/giấy A3.

– HS thảo luận nhóm (có thể sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn).

– GV quan sát HS thảo luận nhóm, xác định nhóm có kết quả tốt nhất (tinh thần hợp tác trong nhóm, thời gian thảo luận nhanh nhất, hiệu quả nhất).

Sản phẩm:

a) Việc nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao đã mang lại lợi nhuận cho bản thân và gia đình anh H.

b) Với tư cách là chủ thể sản xuất, việc làm của anh H đã góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội (nộp thuế cho Nhà nước; tạo việc làm cho người dân địa phương và truyền đạt mô hình sản xuất “xanh và sạch” cho những hộ nuôi tôm lân cận,...).

c) Chủ thể sản xuất trong thông tin trên là hộ gia đình. Một số chủ thể sản xuất khác trong nền kinh tế như: cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp, nhà sản xuất, đầu tư, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ,...

– GV chọn đại diện của 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có). Qua hoạt động thảo luận nhóm (hoặc hoạt động khác), HS bước đầu nhận biết được vai trò của chủ thể sản xuất đối với sự phát triển của nền kinh tế.

– GV đặt thêm câu hỏi: *Từ nội dung vừa thảo luận, em hãy cho biết thể nào là chủ thể sản xuất. Chủ thể sản xuất có vai trò gì trong nền kinh tế? Khi tham gia hoạt động kinh tế, chủ thể sản xuất cần thực hiện trách nhiệm gì?*

– HS trả lời cá nhân.

– GV dựa trên câu trả lời của HS để nhận xét và phân tích thêm: Khi tham gia nền kinh tế với tư cách là chủ thể sản xuất, các tổ chức, cá nhân cần thực hiện đúng vai trò của mình, sản xuất hàng hoá, dịch vụ với số lượng, chất lượng, mẫu mã,... đáp ứng nhu cầu của thị trường. Đồng thời, chú trọng việc sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường và sức khoẻ của người tiêu dùng. Cần phê phán, loại trừ các chủ thể sản xuất vi phạm pháp luật như sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng, cạnh tranh không lành mạnh,...

– GV dựa trên sản phẩm và phân trao đổi của HS để hướng dẫn HS kết luận (có thể ghi kết luận vào vở) theo SGK trang 13.

Hoạt động 3. Tìm hiểu về chủ thể trung gian

a) Mục tiêu

– Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ vai trò của chủ thể trung gian trong nền kinh tế.

– Biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và đề thảo luận, lập luận, đánh giá về vai trò của chủ thể trung gian trong nền kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện

– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp; giao nhiệm vụ cho các cặp (chiều nhiệm vụ của các cặp lên bảng) với nội dung như sau:

+ Các cặp đọc và thảo luận thông tin ở mục 2 trong SGK trang 13.

+ Trả lời 2 câu hỏi trong SGK trang 13 và ghi kết quả vào vở nháp/giấy A4.

– HS thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ và ghi câu trả lời vào vở nháp/giấy A4.

– GV quan sát quá trình HS làm việc của các cặp và hỗ trợ nếu HS gặp khó khăn.

Sản phẩm:

a) Hoạt động của các siêu thị điện máy giúp kết nối các nhà sản xuất điện, điện tử với người tiêu dùng.

b) Ngoài chủ thể trung gian nêu trên, còn nhiều chủ thể trung gian khác nữa như thương nhân, trung gian môi giới (môi giới chứng khoán, môi giới nhà đất, môi giới khoa học – công nghệ,...).

– Từ kết quả thảo luận của HS, GV mời một số cặp có kết quả thảo luận khác nhau báo cáo trước lớp và nhận xét.

– GV đặt thêm câu hỏi: Từ nội dung vừa thảo luận, em hãy cho biết thể nào là chủ thể trung gian. Chủ thể trung gian có vai trò gì trong nền kinh tế? Khi tham gia hoạt động kinh tế, chủ thể trung gian cần thực hiện trách nhiệm gì?

– HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.

– HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV dựa trên câu trả lời của HS để nhận xét và phân tích thêm: Khi tham gia nền kinh tế với tư cách là chủ thể trung gian, các tổ chức, cá nhân cần thực hiện đúng vai trò cầu nối, gắn kết chủ thể sản xuất với chủ thể tiêu dùng; làm cho sản xuất và tiêu dùng trở nên tương thích với nhau, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng phát triển. Cần phê phán, loại trừ các chủ thể trung gian vi phạm pháp luật như lừa đảo, môi giới bất hợp pháp,...

– GV dựa trên sản phẩm và phần trao đổi của HS để hướng dẫn HS kết luận theo SGK trang 13.

Hoạt động 4. Tìm hiểu về chủ thể tiêu dùng

a) Mục tiêu

– Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ vai trò của chủ thể tiêu dùng trong nền kinh tế.

– Biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về vai trò của chủ thể tiêu dùng trong nền kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành 4 – 6 nhóm; giao nhiệm vụ cho các nhóm (chiều nhiệm vụ của các nhóm lên bảng):

+ Các nhóm đọc tình huống ở mục 3 trong SGK trang 13 và thảo luận.

+ Trả lời câu hỏi trong SGK và ghi kết quả vào bảng nhóm/giấy A3.

– HS thảo luận nhóm (có thể sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn) để hoàn thành nhiệm vụ.

– GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu có).

Sản phẩm: Trước khi quyết định chi tiêu, Lan phải xác định số tiền được giao để chuẩn bị bữa trưa, quyết định sản phẩm sẽ mua và phương thức mua hàng cụ thể như thế nào?... Quyết định chi tiêu của Lan phụ thuộc vào lượng tiền được giao; thị hiếu tiêu dùng của các bạn trong lớp (các món ăn mà các bạn trong lớp yêu thích); giá cả hàng hoá và phương thức thanh toán (Ví dụ: Mua trực tuyến thì có thể phải mất thêm phí giao hàng).

– HS treo bảng ghi kết quả thảo luận của nhóm (sử dụng kĩ thuật phòng tranh), cử đại diện của nhóm báo cáo kết quả và trả lời câu hỏi của nhóm bạn (nếu có). HS trong lớp lần lượt quan sát kết quả của từng nhóm, ghi chép, lắng nghe, đặt câu hỏi cho nhóm bạn.

– GV nhận xét kết quả thảo luận của HS và đặt thêm câu hỏi: *Từ nội dung vừa thảo luận, em hãy cho biết chủ thể tiêu dùng là gì. Chủ thể tiêu dùng có vai trò gì trong nền kinh tế? Khi tham gia vào nền kinh tế với tư cách là chủ thể tiêu dùng, bản thân em cần thực hiện trách nhiệm gì?*

– HS trả lời cá nhân.

– GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận.

– GV dựa trên câu trả lời của HS để nhận xét và phân tích thêm: Khi tham gia nền kinh tế với tư cách là chủ thể tiêu dùng, mỗi chúng ta cần phải tiêu dùng có trách nhiệm, chẳng hạn sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, giảm thiểu rác thải nhựa, tiêu dùng theo sự khuyến nghị của Nhà nước (người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam),... Tích cực tuyên truyền, vận động mọi người xung quanh tiêu dùng vì sự phát triển bền vững. Cần phê phán việc tiêu dùng lãng phí, ảnh hưởng đến môi trường.

– GV dựa trên sản phẩm và phân trao đổi của HS để hướng dẫn HS kết luận theo SGK trang 14.

Hoạt động 5. Tìm hiểu về chủ thể nhà nước

a) Mục tiêu

– Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ vai trò của chủ thể nhà nước trong nền kinh tế.

– Biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về vai trò của chủ thể nhà nước trong nền kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành 4 – 6 nhóm; giao nhiệm vụ cho các nhóm (chiều nhiệm vụ của các nhóm lên bảng):

+ Các nhóm đọc trường hợp và thông tin ở mục 4 trong SGK trang 14 và thảo luận.

+ Trả lời 2 câu hỏi trong SGK trang 14 và ghi kết quả vào bảng nhóm/giấy A3.

– HS thảo luận nhóm (có thể sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn) để hoàn thành nhiệm vụ.

– GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu có).

Sản phẩm:

a) Vai trò của Nhà nước được thể hiện ở trường hợp cụ thể là: Nhà nước có thể tham gia nền kinh tế với tư cách là chủ thể sản xuất, chủ thể tiêu dùng hoặc chủ thể trung gian; ngoài ra, Nhà nước còn có vai trò quản lí nền kinh tế.

Ở thông tin: Vai trò của Nhà nước được thể hiện thông qua việc điều chỉnh và khắc phục những vấn đề trong nền kinh tế như vấn đề nghèo đói, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế còn được thể hiện ở việc Nhà nước sử dụng các công cụ kinh tế để khắc phục những khuyết tật của thị trường; tạo lập môi trường kinh tế cho các chủ thể phát huy sự sáng tạo,...

– HS treo bảng ghi kết quả thảo luận của nhóm (sử dụng kĩ thuật phòng tranh), cử đại diện của nhóm báo cáo kết quả và trả lời câu hỏi của nhóm bạn (nếu có). HS trong lớp lần lượt quan sát kết quả của từng nhóm, ghi chép, lắng nghe, đặt câu hỏi cho nhóm bạn.

– Từ kết quả thảo luận của HS, GV nhận xét và đặt thêm câu hỏi: *Từ nội dung vừa thảo luận, em hãy làm rõ trách nhiệm của chủ thể nhà nước trong nền kinh tế và ý nghĩa của sự quản lí của Nhà nước về kinh tế đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở nước ta.*

– HS trả lời cá nhân.

– GV dựa trên câu trả lời của HS để nhận xét và phân tích thêm: Khi tham gia nền kinh tế với tư cách là chủ thể nhà nước, mỗi cá nhân trong bộ máy nhà nước cần nhận thức rõ trách nhiệm của mình, tránh gây cản trở cho sự hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế,... Ở nước ta, sự quản lí của Nhà nước về kinh tế có ý nghĩa quan trọng, góp phần điều tiết và tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể kinh tế khác hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Nhà nước cũng tác động để điều chỉnh và khắc phục những vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội.

– GV dựa trên sản phẩm và phần trao đổi của HS để hướng dẫn HS kết luận theo SGK trang 14.

LUYỆN TẬP

Phần Luyện tập có thể được thiết kế và tổ chức với nhiều cách khác nhau như: Chia thành các hoạt động nhỏ tương ứng với các hoạt động ở phần hình thành kiến thức theo nghĩa học đến đâu thực hành đến đó, bài 3 tiết thì mỗi tiết đều có hình thành kiến thức, kĩ năng và luyện tập để củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng vừa chiếm lĩnh được. GV cũng có thể cấu trúc các bài tập thành các hoạt động cụ thể: Phân hiểu biết kiến thức (bài tập 1, 2, 4); phần thi trò chơi (bài tập 5); phần thi đóng vai (bài tập 3),...

Dưới đây là một cách thiết kế để tổ chức các hoạt động ở phần Luyện tập.

Hoạt động 6. Luyện tập xác định các chủ thể kinh tế; vai trò của các chủ thể kinh tế; vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế

a) Mục tiêu

– Nhận diện được vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

– Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của mình và của người khác với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

– Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được hành vi của mình trong việc thực hiện trách nhiệm của công dân với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

– Chủ động tham gia vào nền kinh tế với tư cách là một chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ cho cá nhân, phát Phiếu bài tập (Phụ lục) và yêu cầu HS hoàn thành bài luyện tập 1, 2, 4.

– HS thực hiện nhiệm vụ: Làm việc cá nhân, sau đó trao đổi, thảo luận với bạn ngồi cạnh để hoàn thành Phiếu bài tập.

– GV quan sát HS làm việc, phát hiện sự khác nhau về kết quả giữa các cặp HS khi trao đổi và hoàn thành Phiếu bài tập.

Sản phẩm: Hoàn thành Phiếu bài tập.

PHIẾU BÀI TẬP

Họ tên HS: Lớp:

Bài 1. Em hãy cho biết ai là chủ thể sản xuất trong những trường hợp sau đây. Vì sao?

(Đánh dấu X vào phương án mà em chọn)

| Cá nhân, tổ chức | Chủ thể sản xuất | Giải thích lí do |
|---|------------------|--|
| A. Người lái xe taxi. | X | Đây là chủ thể sản xuất vì người lái xe taxi trực tiếp cung cấp dịch vụ đáp ứng nhu cầu đi lại của người tiêu dùng. |
| B. Hợp tác xã nuôi bò sữa. | X | Hợp tác xã là chủ thể sản xuất vì họ trực tiếp tạo ra hàng hoá phục vụ nhu cầu tiêu dùng sản phẩm sữa của xã hội. |
| C. Doanh nghiệp chế biến hạt điều xuất khẩu. | X | Doanh nghiệp này là chủ thể sản xuất vì đã trực tiếp tạo ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội, trực tiếp sản xuất kinh doanh và thu lợi nhuận. |
| D. Một nhóm người đi du lịch. | | Nhóm người đi du lịch không phải là chủ thể sản xuất mà là chủ thể tiêu dùng. |
| E. Nhóm HS đang làm báo tường treo tại lớp. | | Nhóm HS không phải là chủ thể sản xuất vì không trực tiếp tạo ra sản phẩm để thoả mãn nhu cầu tiêu dùng của xã hội. |
| G. Mẹ tranh thủ cắt may quần áo cho các con vào buổi tối. | | Đây không phải là chủ thể sản xuất vì trong nền kinh tế thị trường, chủ thể sản xuất phải là người trực tiếp tạo ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội, trực tiếp sản xuất kinh doanh và thu lợi nhuận. |

Bài 2. Em hãy đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

Trường hợp. Lan là HS cấp trung học phổ thông. Hằng tuần, Lan thường cùng mẹ đi chợ mua thực phẩm cho gia đình. Lan còn phụ giúp bố mẹ làm đồ mây tre đan để bán. Những dịp có hội chợ do địa phương tổ chức, Lan cùng bố mẹ mang các sản phẩm của gia đình đến hội chợ để bán. Nhận thức được trách nhiệm của bản thân với tư cách là một chủ thể của nền kinh tế, Lan thường xuyên bàn bạc với bố mẹ cách sản xuất những sản phẩm mây tre đan đẹp mắt, phù hợp với nhu cầu và giá cả phù hợp với người tiêu dùng.

a) Em hãy cho biết Lan đã tham gia nền kinh tế với tư cách là những chủ thể nào.

b) Em hãy nhận xét việc thực hiện vai trò của Lan và gia đình với tư cách là chủ thể sản xuất.

Câu trả lời:

a) Lan đã tham gia vào nền kinh tế với tư cách là chủ thể tiêu dùng, chủ thể sản xuất và chủ thể trung gian.

b) Lan đã tích cực tham gia vào nền kinh tế với tư cách là chủ thể sản xuất và biết bàn bạc với gia đình để thúc đẩy việc sản xuất của gia đình phát triển hơn.

Bài 3. Em hãy cùng bạn thảo luận để trả lời những câu hỏi sau:

| Câu hỏi | Câu trả lời |
|---|--|
| A. Vì sao sự phân biệt giữa người sản xuất và người tiêu dùng chỉ có ý nghĩa tương đối? | Vì trong thực tiễn nền kinh tế mỗi chủ thể có thể đóng nhiều vai trò khác nhau nên việc phân chia chỉ có tính tương đối để thấy được chức năng chính của các chủ thể này khi tham gia thị trường. Ví dụ: Thực tế doanh nghiệp vừa đóng vai trò là người mua và cũng là người bán. |
| B. Giữa chủ thể sản xuất, chủ thể tiêu dùng và chủ thể trung gian có sự phụ thuộc và tác động qua lại với nhau như thế nào? | Giữa các chủ thể này có mối quan hệ, tác động qua lại với nhau, trong đó: Có chủ thể sản xuất mới có tiêu dùng và trung gian; trung gian góp phần kết nối sản xuất và tiêu dùng; tiêu dùng là động lực thúc đẩy sản xuất phát triển;... Nền kinh tế càng phát triển, các chủ thể này càng phụ thuộc chặt chẽ vào nhau hơn. |

C. Trong nền kinh tế, cá nhân, tổ chức cụ thể nào có thể đóng vai trò là chủ thể trung gian? Em hãy làm rõ vai trò của chủ thể trung gian đó và tác động qua lại giữa chủ thể trung gian với các chủ thể kinh tế khác.

– Các tổ chức, cá nhân đóng vai trò là chủ thể trung gian như thương nhân, trung gian môi giới (môi giới chứng khoán, môi giới nhà đất, môi giới khoa học – công nghệ,...). Nhờ các chủ thể này mà chủ thể sản xuất kết nối với chủ thể tiêu dùng nhanh chóng, dễ dàng hơn,...

– GV mời 2 – 3 cặp HS trình bày tại chỗ từng bài tập 1, 2, 3 trong phiếu, những cặp HS khác đối chiếu với kết quả của mình để đưa ra nhận xét, trao đổi.

Bài tập 5: Em hãy tìm ví dụ để làm rõ vai trò của chủ thể nhà nước trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể kinh tế khác hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả.

– GV giao nhiệm vụ cho cá nhân, yêu cầu HS viết câu trả lời ra giấy nháp và yêu cầu HS trả lời với nội dung cụ thể như sau:

a) Mỗi HS liệt kê các việc làm cụ thể để làm rõ vai trò của chủ thể nhà nước trong việc tạo điều kiện cho các chủ thể (chủ thể sản xuất, chủ thể trung gian, chủ thể tiêu dùng) hoạt động hiệu quả.

b) Chia sẻ hiểu biết của em về việc làm đó.

– GV quan sát HS làm việc cá nhân, xác định một số HS có kết quả khác nhau.

Sản phẩm: HS liệt kê được các ví dụ cụ thể để làm rõ vai trò của chủ thể nhà nước (đối với chủ thể sản xuất: Nhà nước thường xuyên hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp; cho doanh nghiệp vay vốn ưu đãi; giảm thuế;... đối với chủ thể trung gian: Nhà nước tạo điều kiện khuyến khích chủ thể trung gian phát triển, đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, thông tin giúp chủ thể trung gian dễ dàng thực hiện vai trò của mình; đối với chủ thể tiêu dùng: Nhà nước kiểm soát giá cả hàng hoá trên thị trường; quản lý sản xuất để đảm bảo chất lượng sản phẩm đến tay người tiêu dùng;...).

– GV mời một số HS trả lời câu hỏi và khen thưởng một số HS lấy được nhiều ví dụ nhất.

– GV nhận xét, đánh giá và gợi ý HS kết luận chung, nhấn mạnh vai trò của HS với tư cách là một chủ thể khi tham gia vào nền kinh tế.

VẬN DỤNG

Phần Vận dụng chủ yếu được thiết kế để HS thực hiện ở nhà. Trong bài này, dựa vào phần Vận dụng trong SGK, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện Vận dụng 2 ngay

tại lớp, bài tập Vận dụng 1 GV có thể yêu cầu HS thực hiện ở nhà và báo cáo kết quả trong giờ sinh hoạt lớp kết hợp với Hoạt động trải nghiệm (loại hình sinh hoạt lớp).

Dưới đây là một cách thiết kế để tổ chức các hoạt động ở phần Vận dụng.

Hoạt động 7. Vận dụng

a) Mục tiêu

HS chủ động tham gia vào nền kinh tế với tư cách là một chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện

Vận dụng 1:

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu về các hoạt động sản xuất tại địa phương và viết một bài thu hoạch ngắn theo yêu cầu sau:

+ *Mô tả các hoạt động sản xuất ở địa phương theo gợi ý: Các mặt hàng sản xuất nổi bật ở địa phương; quy mô, số lượng sản phẩm được sản xuất như thế nào? Sản xuất như thế nào (bằng cách nào)? Phải sử dụng những nguồn lực gì? Sản xuất cho đối tượng nào (cho ai)?*

+ *Nêu nhận xét về sự phát triển của hoạt động sản xuất tại địa phương em.*

– HS thực hiện theo yêu cầu, GV theo dõi, động viên, hỗ trợ trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.

Sản phẩm: Bài thu hoạch ngắn hoạt động sản xuất đang diễn ra tại địa phương (HS có thể sưu tầm các thông tin, hình ảnh về hoạt động sản xuất ở địa phương trong những năm gần đây). Từ thông tin và hình ảnh thu được, HS viết bài thu hoạch mô tả các hoạt động sản xuất của địa phương và nêu nhận xét về các hoạt động đó.

Vận dụng 2:

– GV phát giấy A3 cho các nhóm, yêu cầu các nhóm HS thảo luận và giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở lớp: *Thảo luận nhóm để làm rõ những điều cần chú ý khi sử dụng hàng hoá và dịch vụ cho tiêu dùng cá nhân và gia đình. Liệt kê các biện pháp thể hiện là người tiêu dùng thông minh và có trách nhiệm khi sử dụng các hàng hoá, dịch vụ.*

– HS thảo luận nhóm, ghi kết quả thảo luận nhóm vào bảng nhóm, GV theo dõi, động viên, hỗ trợ trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.

Sản phẩm: Bản ghi chép kết quả thảo luận nhóm về các biện pháp thể hiện là người tiêu dùng thông minh và có trách nhiệm khi sử dụng các hàng hoá, dịch vụ.

– GV tổ chức giới thiệu, bình chọn các sản phẩm tốt, đạt được mục tiêu bài học.

Tổng kết bài học: GV tổng kết nội dung chính và hướng dẫn HS tự đánh giá sau bài học.

I- MỤC TIÊU

1. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

– *Giao tiếp và hợp tác:*

+ Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ khái niệm thị trường, phân loại thị trường.

+ Sử dụng ngôn ngữ phù hợp để trao đổi, thảo luận, trình bày ý kiến cá nhân các nội dung của bài học về thị trường và chức năng của thị trường.

– *Tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội:*

+ Hiểu về các loại thị trường theo các tiêu chí phân loại khác nhau, biết các chức năng của thị trường.

+ Lựa chọn tham gia vào các loại thị trường phù hợp với lứa tuổi tại địa phương.

2. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng khi tham gia vào các hoạt động trên thị trường.

II- THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, ti vi, màn hình trình chiếu;
- SGK, SGV, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 10;
- Video, tranh ảnh liên quan đến bài học.

III- GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động 1. Khởi động

Trên cơ sở nội dung Mở đầu trong SGK, GV thuyết trình dẫn dắt HS, giới thiệu lịch sử phát triển của sản xuất và trao đổi hàng hoá, sau đó tổ chức cho HS

đóng vai các chủ thể tham gia vào hoạt động trao đổi sản phẩm trên thị trường. Có thể sử dụng các tình huống, câu chuyện về hoạt động mua bán (do GV chuẩn bị), yêu cầu HS chuẩn bị trước phần đóng vai;... HS trả lời các câu hỏi liên quan đến hoạt động đóng vai vừa xem.

a) Mục tiêu

- HS bước đầu nhận biết, làm quen với hoạt động trên thị trường.
- Dẫn dắt HS vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giới thiệu: Lịch sử của nền sản xuất xã hội cho thấy, thị trường ra đời, phát triển gắn liền với sự phát triển của sản xuất và trao đổi hàng hoá. Thị trường là nhân tố gắn kết các chủ thể của nền kinh tế, kết nối các hoạt động kinh tế thành một thể thống nhất.

- HS đóng vai các chủ thể tham gia hoạt động trao đổi sản phẩm ở một địa điểm nhất định (có người bán, người mua một số sản phẩm cụ thể), yêu cầu HS quan sát, thảo luận theo cặp đôi để trả lời các câu hỏi sau:

- 1/ Em hãy xác định nơi diễn ra hoạt động trao đổi.
- 2/ Ở đó, các chủ thể trao đổi, mua bán những sản phẩm gì?
- 3/ Các chủ thể thoả thuận về những điều gì?

- HS theo dõi hoạt động đóng vai; thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi.
- GV quan sát HS làm việc, hỗ trợ khi cần thiết.

Sản phẩm:

1/ HS xác định được địa điểm diễn ra hoạt động trao đổi (Ví dụ: Ở chợ phiên của thị trấn, hoặc ở chợ dân sinh góc phố).

2/ HS gọi tên được những sản phẩm đưa ra trao đổi (rau, trái cây, hoa, gạo, muối,...).

3/ HS nêu được những điều các chủ thể thoả thuận với nhau: Trao đổi, mặc cả về giá sản phẩm, thống nhất về số lượng, trọng lượng các sản phẩm đang được mua và bán, thống nhất về cách thức giao nhận sản phẩm,...

- GV gọi đại diện của 1 hoặc 2 cặp đôi trả lời câu hỏi; một số HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

- GV kết luận để đưa ra nhận xét, đánh giá về quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.

Vậy, thế nào là thị trường? Có những loại thị trường nào? Thị trường có chức năng gì? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

KHÁM PHÁ

Để thực hiện nội dung phần Khám phá, cần tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học chủ yếu sau đây:

Hoạt động 2. Tìm hiểu khái niệm thị trường

a) Mục tiêu

– HS nêu được khái niệm “Thị trường”.

– HS được phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội. HS biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ khái niệm thị trường.

b) Tổ chức thực hiện

– GV trình chiếu hai hình ảnh đã có trong SGK trang 16, hoặc yêu cầu HS quan sát hình ảnh trong SGK, thảo luận theo nhóm (4 hoặc 6 nhóm) và trả lời các câu hỏi trong SGK trang 17.

– GV quan sát HS làm việc, hỗ trợ khi cần thiết.

Sản phẩm:

a) HS xác định được tên các chủ thể kinh tế, gọi tên các hoạt động đang tiến hành, tên địa điểm, những điều mà các chủ thể thoả thuận với nhau, các quan hệ kinh tế được xác lập trong quá trình mua bán đó.

Theo 2 hình ảnh trong SGK: Hình ảnh 1 mô tả một góc chợ ngoài trời, có một số quầy hàng nhiều chủng loại sản phẩm, có người mua và người bán; hình ảnh 2 mô tả một góc siêu thị, nhiều người đang lựa chọn mua sắm sản phẩm theo mức giá niêm yết tại giá bày hàng hoá.

+ Ở hình ảnh 1: Các chủ thể xuất hiện là người mua, người bán, người sản xuất, người tiêu dùng (Tại quầy bán hoa, quầy bán trái cây, quầy thực phẩm, đồ ăn nhanh đều có các chủ thể kinh tế tương ứng đang đứng trao đổi hoặc xem hàng).

+ Ở hình ảnh 2: Chỉ thấy xuất hiện người mua, người tiêu dùng tại góc siêu thị. Mỗi người đều đang chọn hàng, trao đổi với người cùng đi, xem bảng giá,...

+ Các hoạt động đang tiến hành là hoạt động mua và bán, có sự giao tiếp giữa người mua và người bán, giữa người sản xuất với người tiêu dùng trong hình ảnh 1. Trong hình ảnh 2, người mua, người tiêu dùng chọn mua sản phẩm theo giá niêm yết trên giá bày hàng tại siêu thị.

b) Các chủ thể trong hình ảnh 1 thoả thuận với nhau về giá cả sản phẩm, thống nhất về số lượng sản phẩm mua và bán.

c) Các quan hệ kinh tế được xác lập là quan hệ giữa người mua – người bán, người sản xuất – người tiêu dùng, quan hệ hàng – tiền (thể hiện khi trả tiền mua hàng).

– Đại diện của 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có). Qua hoạt động thảo luận nhóm, HS được tiếp cận gần đến khái niệm thị trường.

– GV nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.

– GV đặt thêm câu hỏi: *Từ nội dung vừa thảo luận, em hãy cho biết thế nào là thị trường.*

– HS trả lời cá nhân.

– GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức: *Thị trường là nơi các chủ thể kinh tế tương tác để xác định giá cả, số lượng hàng hoá, dịch vụ khi mua và bán, đáp ứng nhu cầu của mỗi bên. Các yếu tố cơ bản của thị trường là hàng hoá, tiền tệ, giá cả, người mua, người bán. Các quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ hàng hoá – tiền tệ; quan hệ mua – bán; quan hệ cung – cầu.*

– GV nhấn mạnh, bổ sung: Trong đời sống xã hội, các hoạt động mua và bán, trao đổi sản phẩm diễn ra trên thị trường. Ở cấp độ cụ thể, quan sát được, thị trường là chợ, cửa hàng, trung tâm thương mại, phòng giao dịch,... Ở cấp độ trừu tượng hơn, thị trường có thể được nhận biết thông qua các mối quan hệ liên quan đến trao đổi, mua bán hàng hoá.

Hoạt động 3. Tìm hiểu các loại thị trường

a) Mục tiêu

– HS nêu được các loại thị trường theo các tiêu chí phân loại khác nhau.

– HS được phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực tìm hiểu các hoạt động kinh tế – xã hội. HS biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ về các loại thị trường.

b) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành các nhóm; quy định vị trí, thời gian làm việc; giao nhiệm vụ cho các nhóm (chiều nhiệm vụ của các nhóm lên bảng):

+ Mỗi nhóm cùng đọc 2 thông tin ở mục 2 trong SGK trang 17, 18.

+ Trả lời câu hỏi a, b, c, d mục 2 trong SGK trang 17.

– HS thảo luận nhóm (có thể sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn) để hoàn thành nhiệm vụ.

– GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu có).

Sản phẩm:

a) Xét theo đối tượng sản phẩm được đưa ra mua bán thì thị trường đó được gọi tên là thị trường thép, thị trường vải thiều.

b) Vai trò của sản phẩm trong 2 thông tin đã cho, thép là vật liệu xây dựng quan trọng, dùng trong làm đường, cầu, xây nhà,... Còn vải thiều là trái cây đặc sản của mùa hè, trái vải tươi có thể dùng để ăn hoặc làm nguyên liệu chế biến nước vải thiều.

Xét theo vai trò của sản phẩm đối với sản xuất và tiêu dùng, có thể chia thị trường thành thị trường yếu tố sản xuất (nơi mua và bán yếu tố sản xuất: thép, vải thiều làm nguyên liệu chế biến nước quả) và thị trường yếu tố tiêu dùng (nơi mua và bán các sản phẩm cho tiêu dùng cá nhân: trái vải tươi).

c) Xét theo phạm vi không gian, thép trong thông tin 1 được tiêu thụ ở thị trường thế giới, thị trường châu Á, thị trường Trung Quốc, thị trường Việt Nam,...

d) Thông tin 2 mô tả nhiều cách thức gặp nhau giữa các chủ thể trên thị trường vải thiều. Chủ thể thương lái (là chủ thể trung gian) đến mua số lượng lớn (mua buôn) tại vườn của nông dân (chủ thể sản xuất). Thương lái đưa sản phẩm đi bán ở các chợ đầu mối, để cung cấp cho người tiêu dùng cả nước. Đây là những cách gặp nhau trực tiếp giữa chủ thể sản xuất, chủ thể trung gian, chủ thể tiêu dùng.

Theo thông tin 2, từ năm 2021 đã xuất hiện thêm hình thức gặp nhau hiện đại giữa người bán và người mua vải thiều, đó là gặp nhau trực tuyến, qua sàn giao dịch thương mại điện tử.

– HS treo bảng ghi kết quả thảo luận của nhóm (sử dụng kỹ thuật phòng tranh), cử đại diện của nhóm giới thiệu sản phẩm và trả lời các câu hỏi của nhóm bạn (nếu có). HS trong lớp lần lượt quan sát kết quả của từng nhóm, ghi chép, lắng nghe, đặt câu hỏi cho nhóm bạn.

– Từ kết quả thảo luận của HS, GV nhận xét và kết luận về các loại thị trường được phân chia theo các tiêu chí khác nhau.

Lưu ý: HS có thể có các phương án phân chia khác vẫn hợp lý. Ví dụ: Thép thuộc thị trường vật liệu xây dựng, vải thiều thuộc thị trường trái cây. Từ đó, GV kết luận là việc phân chia các loại thị trường chỉ có tính tương đối.

– GV chốt kiến thức phân phân loại thị trường theo 5 tiêu chí khác nhau trong SGK trang 18.

Hoạt động 4. Tìm hiểu về các chức năng của thị trường

a) Mục tiêu

- HS nêu được ba chức năng cơ bản của thị trường.
- HS phát triển năng lực điều chỉnh hành vi khi tham gia thị trường, dựa theo các tín hiệu từ thị trường.

b) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành các nhóm (4 – 6 nhóm); các nhóm đọc và thảo luận thông tin trong trường hợp nêu tại mục 3 trong SGK trang 18, theo 4 câu hỏi trang 19.

– GV phân công cụ thể công việc cho các nhóm: *Đọc thông tin và trao đổi, nêu ý kiến cá nhân trả lời các câu hỏi và tổng hợp ý kiến kết luận của nhóm.*

– HS làm việc theo nhóm (có thể sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn).

Sản phẩm:

a) Các dấu hiệu cho thấy sản phẩm mới của các cơ sở sản xuất giấy vò HS được đón nhận trên thị trường:

+ Số lượng sản phẩm vò bán ra tăng lên.

+ Doanh thu và lợi nhuận tăng lên.

b) Sự thay đổi về mức giá và sản lượng bán thể hiện ở con số cụ thể:

+ Số lượng sản phẩm bán ra tăng 150%.

+ Mức giá sản phẩm mới tăng 10%.

c) Thông tin về mức giá tăng, sản lượng bán hàng cao, doanh thu, lợi nhuận từ sản phẩm mới tăng lên tác động đến quyết định đầu tư vào công nghệ mới của các cơ sở sản xuất giấy vò HS.

d) Thông tin từ thị trường vò HS tác động như thế nào tới quyết định mua vò của em (có thể có nhiều phương án trả lời khác nhau, câu trả lời có thể khác biệt với từng HS trong mỗi nhóm).

+ Phương án 1: Em thích sản phẩm mới (vì đẹp hơn, sinh động, nhiều thông tin hữu ích ngay trên bìa vò) và quyết định mua sản phẩm mới trong năm nay.

+ Phương án 2: Em cũng thích sản phẩm mới nhưng vì giá cao hơn nên em vẫn quyết định mua và sử dụng sản phẩm truyền thống. Để vẫn với số tiền như cũ, em mua được nhiều vò hơn.

– Đại diện nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm mình. Các nhóm khác bổ sung ý kiến.

– Từ kết quả thảo luận của các nhóm, GV nhận xét và kết luận theo các câu trả lời gợi ý trên (GV chiếu các câu trả lời).

– GV nhấn mạnh về các chức năng của thị trường, chốt kiến thức ở mục 3 theo SGK trang 19: *Với tư cách là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, thị trường là môi trường quan trọng thúc đẩy sản xuất và trao đổi hàng hoá.*

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5. Luyện tập

a) Mục tiêu

– HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kĩ năng về khái niệm thị trường, các loại thị trường và các chức năng của thị trường.

– HS được phát triển các năng lực: Điều chỉnh hành vi; tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân: *Đọc thông tin và hoàn thành Phiếu bài tập.*

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân và theo nhóm, hoàn thành các bài tập trong phần Luyện tập.

Sản phẩm: Hoàn thành Phiếu bài tập.

PHIẾU BÀI TẬP

Họ tên HS: Lớp:

Bài 1. Em hãy cho biết những nhận định sau đây đúng hay sai và giải thích vì sao.

| Nhận định | Đúng | Sai | Giải thích lí do |
|--|------|-----|---|
| A. Thị trường là nơi thực hiện hoạt động mua và bán. | X | | Thị trường là nơi các chủ thể kinh tế gặp nhau để thực hiện hoạt động trao đổi, mua và bán. |

| | | | |
|---|---|---|--|
| B. Người mua, người bán là một trong những yếu tố cơ bản của thị trường. | X | | Người mua, người bán tham gia tương tác trên thị trường, là yếu tố cơ bản của thị trường. |
| C. Chỉ có thể tìm đến thị trường thì con người mới thoả mãn được nhu cầu. | | X | Con người có thể tự làm ra sản phẩm thoả mãn nhu cầu chính mình mà không cần thị trường (trong nền kinh tế tự cung, tự cấp). |
| D. Tiền là một yếu tố cơ bản của thị trường. | X | | Hoạt động trao đổi, mua và bán trên thị trường thường sử dụng tiền làm yếu tố trung gian để trao đổi cho thuận tiện. |
| E. Mua – bán không phải là quan hệ của thị trường. | | X | Mua – bán thể hiện quan hệ giữa người mua và người bán trên thị trường. |

Bài tập 2: Phân tích trường hợp theo nhóm

– GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK trang 19, 20 chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của bài tập.

– GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần).

Sản phẩm: HS trả lời được 2 câu hỏi trong SGK trang 20.

Câu a:

+ Sự khác biệt về chủ thể tham gia mua bán:

Cà phê nhân: Chủ thể sản xuất (nông dân) bán cà phê nhân cho chủ thể trung gian (thương lái), chủ thể trung gian (mua cà phê nhân của nông dân, bán cà phê nhân làm nguyên liệu cho các doanh nghiệp chế biến). Các doanh nghiệp chế biến là chủ thể mua cà phê nhân để tiếp tục sản xuất.

Cà phê hoà tan: Chủ thể bán sản phẩm là các doanh nghiệp chế biến, chủ thể mua sản phẩm là người tiêu dùng cà phê hoà tan.

+ Phân loại thị trường cà phê theo mục đích sử dụng: Cà phê nhân thuộc loại thị trường yếu tố sản xuất, cà phê hoà tan thuộc loại thị trường yếu tố tiêu dùng.

Câu b:

+ Xét theo phạm vi không gian: Cà phê nhân của Việt Nam (nguyên liệu chế biến) chủ yếu được xuất khẩu (95% sản lượng sản xuất ra được bán trên thị trường

thế giới). Cà phê hoà tan (thành phẩm) được trao đổi nội địa (thị trường trong nước) và xuất khẩu (thị trường thế giới).

+ Cách thức giao dịch giữa các chủ thể của thị trường cà phê có điểm mới là đã xuất hiện các sàn giao dịch điện tử, sử dụng nền tảng số để kết nối các chủ thể trong quá trình mua và bán.

Bài tập 3, 4

– GV giao nhiệm vụ cho cá nhân và yêu cầu HS hoàn thành bài luyện tập 3, 4 trong SGK trang 20.

– HS thực hiện nhiệm vụ: Làm việc cá nhân, sau đó trao đổi, thảo luận với bạn ngồi cạnh về ý kiến của mình. Ghi kết quả vào vở bài tập.

– GV quan sát HS làm việc, phát hiện sự khác nhau về kết quả giữa các cặp HS khi trao đổi và hoàn thành bài tập.

Sản phẩm: HS hoàn thành bài tập 3, bài tập 4.

Bài tập 3: Đồng ý với nhận định thị trường có chức năng cung cấp thông tin để các chủ thể kinh tế điều tiết hoạt động sản xuất và hoạt động tiêu dùng sao cho có lợi nhất.

Giải thích lí do: Người bán, người mua có thể biết được các thông tin về giá cả, mẫu mã, chủng loại, hình thức, số lượng, chất lượng sản phẩm trên thị trường, từ đó quyết định sẽ mua, bán sao cho có lợi nhất.

Có thể lấy ví dụ để minh hoạ cho ý giải thích trên:

+ Cùng là sản phẩm quần áo mùa hè, với cùng một mức giá và chất lượng sản phẩm, mẫu A bán chạy hơn mẫu B là thông tin để người sản xuất tập trung đưa mẫu A ra bán nhiều hơn trên thị trường để tăng lợi nhuận.

+ Cùng một loại sản phẩm thực phẩm đông lạnh với chất lượng và mẫu mã tương tự nhau, sản phẩm của nhà sản xuất X giá rẻ hơn sản phẩm nhà sản xuất Y. Người tiêu dùng sẽ cân nhắc và quyết định mua sản phẩm của nhà sản xuất X nhiều hơn sản phẩm của nhà sản xuất Y.

Bài tập 4: Chia sẻ ý kiến cá nhân về tranh luận của hai bạn M và C.

+ Bạn M: Ý kiến đúng.

+ Bạn C: Ý kiến sai.

Chỉ ra điểm sai của bạn C khi cho rằng mua bao nhiêu, bán giá như thế nào là do thoả thuận của người mua và người bán còn thị trường không can thiệp. Người mua và người bán có thoả thuận về số lượng và giá cả tại thời điểm giao dịch, nhưng thoả thuận này đều dựa trên mức giá chung đã hình thành do tương tác giữa số lượng lớn người mua với số lượng lớn người bán trên thị trường chứ không phải là thoả thuận riêng lẻ của từng người bán và người mua bất kì.

VẬN DỤNG

Dưới đây là cách thiết kế cho hoạt động Vận dụng.

Hai bài tập vận dụng được thực hiện ngoài giờ học, được ghi chép lại bằng hình ảnh, âm thanh, video clip quá trình thực hiện sản phẩm, viết báo cáo và trình bày kết quả trong giờ sinh hoạt lớp kết hợp với Hoạt động trải nghiệm (loại hình sinh hoạt lớp).

Hoạt động 6. Vận dụng

a) Mục tiêu

HS phát triển được năng lực tìm hiểu các hoạt động kinh tế – xã hội, năng lực điều chỉnh hành vi thông qua lập kế hoạch và khảo sát một loại thị trường tại địa phương.

b) Tổ chức thực hiện

Vận dụng 1: Thực hiện theo nhóm, mỗi nhóm 4 HS.

– GV giao nhiệm vụ cho HS lập kế hoạch khảo sát thị trường theo các câu hỏi gợi ý trong SGK: HS trao đổi theo nhóm, GV gợi ý:

+ Xác định một loại thị trường phù hợp để khảo sát (tên thị trường, ví dụ thị trường rau an toàn, thị trường một loại thực phẩm,...).

+ Xác định đối tượng khảo sát: người bán, người mua (chia theo lứa tuổi, giới tính, điều kiện kinh tế,...), chủ thể trung gian,...

+ Thời gian tiến hành.

+ Nội dung thực hiện (thiết kế bộ câu hỏi phù hợp với mục tiêu khảo sát và đối tượng).

+ Phân công công việc cụ thể giữa các thành viên nhóm.

+ Phân tích kết quả và kết luận.

+ Viết báo cáo.

Sản phẩm:

+ HS lập được bản kế hoạch khảo sát chi tiết; bản theo dõi (nhật kí) quá trình triển khai thực hiện. Ghi rõ thành các cột: ngày, tháng, năm; địa điểm; thời gian; người thực hiện, nội dung thực hiện, kết quả...;

+ Viết được báo cáo tình hình thị trường (kèm theo bản ghi âm thanh, hình ảnh, video clip,...).

– HS thực hiện theo yêu cầu, GV theo dõi, động viên, hỗ trợ trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.

Vận dụng 2: Thực hiện cá nhân.

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu về thị trường khi tham gia các các hoạt động kinh tế cùng thành viên gia đình tại địa phương nơi em sinh sống (Ví dụ: Cùng đi chợ với mẹ) và viết một bài thu hoạch ngắn theo yêu cầu sau:

+ *Mô tả thị trường mà em quan sát, trải nghiệm được.*

+ *Nêu nhận xét về những hoạt động của các chủ thể kinh tế trên thị trường (người mua, người bán,...) và các yếu tố cơ bản của thị trường (hàng hoá, giá cả, tiền,...).*

+ *Mô tả hành vi, lựa chọn của em và thành viên gia đình với tư cách là một chủ thể tham gia thị trường.*

– HS thực hiện theo yêu cầu, GV theo dõi, động viên, hỗ trợ trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.

Sản phẩm: Bài thu hoạch ngắn mô tả thị trường và các trải nghiệm của bản thân về các hoạt động thị trường đang diễn ra tại địa phương, nêu nhận xét về các hoạt động trên thị trường mà HS tham gia, trải nghiệm ở địa phương.

– HS nộp sản phẩm cho GV vào tiết học tiếp theo.

– Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.

Tổng kết bài học:

– GV tổng kết những nội dung chính của bài học.

– Hướng dẫn HS tự đánh giá sau bài học.